

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
CÔNG NGHỆ 7
CÁNH DIỀU

BIÊN SOẠN:

TS Nguyễn Tất Thắng

TS Dương Văn Nhiệm

TS Nguyễn Thị Ái Nghĩa

TS Nguyễn Thị Vinh

MỤC LỤC

	Trang
Phần 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA CÔNG NGHỆ 7	3
I. KHÁI QUÁT VỀ MÔN CÔNG NGHỆ 7 TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018	3
1. Mục tiêu Chương trình giáo dục cấp trung học cơ sở	3
2. Mục tiêu môn Công nghệ cấp trung học cơ sở	3
3. Kế hoạch giáo dục môn Công nghệ trong chương trình giáo dục cấp trung học cơ sở	3
4. Nội dung môn Công nghệ 7	4
II. MỤC TIÊU PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC	6
1. Phẩm chất chủ yếu và năng lực chung	6
2. Năng lực công nghệ	7
III. SÁCH GIÁO KHOA CÔNG NGHỆ 10 – CÔNG NGHỆ TRỒNG TRỌT	8
1. Cấu trúc, nội dung sách giáo khoa Công nghệ 7	8
2. Cấu trúc nội dung bài học Công nghệ 7	10
Phần 2. TỔ CHỨC DẠY HỌC CÔNG NGHỆ 7	12
I. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN CÔNG NGHỆ 7	12
1. Cơ sở lựa chọn phương pháp và kỹ thuật dạy học	12
2. Tiêu chí đánh giá việc lựa chọn phương pháp và kỹ thuật dạy học	13
3. Yêu cầu chung của việc sử dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học	13
4. Tổ chức các hoạt động học tập	13
II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN CÔNG NGHỆ 7	14
III. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN CÔNG NGHỆ 7	15
1. Cơ sở lập kế hoạch dạy học	15
2. Kế hoạch dạy học môn Công nghệ 7	16
IV. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY	16
V. TÀI LIỆU BỔ TRỢ DẠY HỌC CÔNG NGHỆ 7	18
1. Sách giáo viên Công nghệ 7	18
2. Học liệu điện tử	19
3. Thiết bị dạy học Công nghệ 7	19
Phần 3. MỘT SỐ BÀI SOẠN MINH HOẠ	21

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA CÔNG NGHỆ 7

I. KHÁI QUÁT VỀ MÔN CÔNG NGHỆ 7 TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

1. Mục tiêu Chương trình giáo dục cấp trung học cơ sở

Theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Chương trình giáo dục trung học cơ sở giúp học sinh (HS) phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành và phát triển ở cấp tiểu học, tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng các phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có những hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

2. Mục tiêu môn Công nghệ cấp trung học cơ sở

Chương trình môn Công nghệ ở cấp trung học cơ sở tiếp tục phát triển năng lực công nghệ mà HS đã tích lũy được ở cấp tiểu học. Kết thúc trung học cơ sở, HS đọc được thông số kỹ thuật, nhận biết và sử dụng đúng cách một số sản phẩm công nghệ trong gia đình; trao đổi được thông tin về sản phẩm, quy trình công nghệ thông qua lập và đọc bản vẽ kỹ thuật đơn giản; đánh giá và thiết kế được sản phẩm công nghệ đơn giản; có hiểu biết về những nguyên lý cơ bản, những kỹ năng ban đầu trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và công nghiệp; có tri thức và trải nghiệm về lựa chọn nghề trong lĩnh vực công nghệ, góp phần lựa chọn hướng đi phù hợp sau trung học cơ sở; phát huy hứng thú học tập; rèn luyện được tính cẩn thận, kiên trì trong các hoạt động kỹ thuật, công nghệ.

3. Kế hoạch giáo dục môn Công nghệ trong chương trình giáo dục cấp trung học cơ sở

Chương trình giáo dục phổ thông được chia thành hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản (từ lớp 1 đến lớp 9) và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (từ lớp 10 đến lớp 12).

Hệ thống môn học và hoạt động giáo dục của chương trình giáo dục phổ thông gồm các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp và các môn học tự chọn.

Môn Công nghệ ở cấp trung học cơ sở là môn học bắt buộc trong giai đoạn giáo dục cơ bản. Theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, kế hoạch giáo dục cấp trung học cơ sở được trình bày như bảng dưới đây:

Nội dung giáo dục	Số tiết/năm học			
	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Môn học bắt buộc				
Ngữ văn	140	140	140	140
Toán	140	140	140	140
Ngoại ngữ 1	105	105	105	105
Giáo dục công dân	35	35	35	35
Lịch sử và Địa lí	105	105	105	105
Khoa học tự nhiên	140	140	140	140
Công nghệ	35	35	52	52
Tin học	35	35	35	35
Giáo dục thể chất	70	70	70	70
Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	70	70	70	70
Hoạt động giáo dục bắt buộc				
Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	105	105	105
Nội dung giáo dục của địa phương	35	35	35	35
Môn học tự chọn				
Tiếng dân tộc thiểu số	105	105	105	105
Ngoại ngữ 2	105	105	105	105
Tổng số tiết học/năm học (không kể các môn học tự chọn)	1 015	1 015	1 032	1 032
Số tiết học trung bình/tuần (không kể các môn học tự chọn)	29	29	29,5	29,5

Theo kế hoạch này, Chương trình môn Công nghệ ở lớp 6 và lớp 7 có thời lượng là: 35 tiết/năm học; ở lớp 8 và lớp 9 là 52 tiết/năm học. Trong đó, nội dung Công nghệ 6 về công nghệ trong gia đình; Công nghệ 7 về nông, lâm nghiệp và thủy sản; Công nghệ 8 về công nghiệp và thiết kế kĩ thuật; Công nghệ 9 về công nghệ và hướng nghiệp.

4. Nội dung môn Công nghệ 7

Theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Công nghệ 2018, môn Công nghệ 7 được bố trí dạy học cho HS lớp 7 với nội dung và yêu cầu cần đạt như sau:

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
TRỒNG TRỌT VÀ LÂM NGHIỆP	
Mở đầu về trồng trọt	– Trình bày được vai trò, triển vọng của trồng trọt, kể tên được các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam. – Nêu được một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam. – Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao. – Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong trồng trọt. – Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong trồng trọt.
Quy trình trồng trọt	– Nêu được các bước trong quy trình trồng trọt. – Trình bày được mục đích, yêu cầu kỹ thuật của các bước trong quy trình trồng trọt. – Thực hiện được việc nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành. – Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc trồng và chăm sóc một loại cây trồng phổ biến trong gia đình. – Thực hiện được một số công việc trong quy trình trồng và chăm sóc một loại cây trồng phổ biến. – Tích cực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, có ý thức về an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong trồng trọt.
Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng	– Trình bày được vai trò của rừng, phân biệt được các loại rừng phổ biến ở nước ta. – Tóm tắt được quy trình trồng, chăm sóc cây rừng và các biện pháp bảo vệ rừng. – Có ý thức trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái.
CHĂN NUÔI VÀ THỦY SẢN	
Mở đầu về chăn nuôi	– Trình bày được vai trò, triển vọng của chăn nuôi, nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều, các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta. – Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. – Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi. – Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi.
Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi	– Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi. – Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản. – Trình bày được kỹ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho một loại vật nuôi phổ biến. – Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi trong gia đình. – Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Nuôi thủy sản	– Trình bày được vai trò của thủy sản; nhận biết được một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta. – Nêu được quy trình kỹ thuật nuôi, chăm sóc, phòng, trị bệnh, thu hoạch một loại thủy sản phổ biến. – Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi và chăm sóc một loại thủy sản phù hợp. – Đo được nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản bằng phương pháp đơn giản. – Có ý thức bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản.

Như vậy, Chương trình giáo dục phổ thông môn Công nghệ 7 có chủ đề nông, lâm nghiệp và thủy sản, gồm 4 mạch nội dung là: Trồng trọt, Lâm nghiệp, Chăn nuôi, Thủy sản. Trong đó, Lâm nghiệp được ghép với Trồng trọt, Thủy sản được ghép với Chăn nuôi. Qua các mạch nội dung trên, việc tổ chức các hoạt động dạy học sẽ góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung cốt lõi và năng lực công nghệ đặc thù trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Ngoài các nội dung tri thức cơ bản, cốt lõi về các lĩnh vực Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản, nội dung Công nghệ 7 còn được cập nhật xu thế phát triển của công nghệ như: nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp an toàn, trồng trọt công nghệ cao,... Ngoài ra, nội dung môn Công nghệ 7 có sự tích hợp giáo dục hướng nghiệp, giáo dục an toàn lao động, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, giáo dục kinh doanh,... Việc tổ chức các hoạt động học tập các nội dung trong môn Công nghệ 7 sẽ góp phần hình thành các phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực công nghệ đặc thù trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

II. MỤC TIÊU PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC TRONG DẠY HỌC CÔNG NGHỆ

1. Phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Chương trình giáo dục phổ thông hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi sau:

1.1. Phẩm chất chủ yếu: bao gồm 5 phẩm chất chủ yếu là: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Các phẩm chất chủ yếu này được hình thành và phát triển trong dạy học Công nghệ thông qua nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, môi trường giáo dục ở nhà trường, gia đình và xã hội. Vì vậy, trong dạy học Công nghệ, giáo viên (GV) cần lưu ý xác định các yêu cầu cần đạt về phẩm chất phù hợp trong chủ đề, bài học để định hướng tổ chức các hoạt động học tập cho HS.

1.2. Năng lực cốt lõi: bao gồm năng lực chung và năng lực đặc thù.

– Những năng lực chung được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

– Những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất.

Ngoài ra, chương trình giáo dục phổ thông còn góp phần phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu của HS.

Những yêu cầu cần đạt cụ thể về phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi được quy định tại mục IX Chương trình tổng thể và tại các chương trình môn học, hoạt động giáo dục.

2. Năng lực công nghệ

Năng lực công nghệ là một trong 7 năng lực đặc thù được xác định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, bao gồm các thành tố sau:

– *Nhận thức công nghệ*: là năng lực làm chủ kiến thức phổ thông cốt lõi về công nghệ trên các phương diện bản chất của công nghệ; mối quan hệ giữa công nghệ, con người, xã hội; một số công nghệ phổ biến, các quá trình sản xuất chủ yếu có ảnh hưởng và tác động lớn tới kinh tế, xã hội trong hiện tại và tương lai; phát triển và đổi mới công nghệ; nghề nghiệp và định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ chủ yếu ở Việt Nam.

– *Giao tiếp công nghệ*: là năng lực lập, đọc, trao đổi tài liệu kĩ thuật về các sản phẩm, quá trình, dịch vụ công nghệ trong sử dụng, đánh giá công nghệ và thiết kế kĩ thuật.

– *Sử dụng công nghệ*: là năng lực khai thác sản phẩm, quá trình, dịch vụ công nghệ đúng chức năng, đúng kĩ thuật, an toàn và hiệu quả; tạo ra sản phẩm công nghệ.

– *Đánh giá công nghệ*: là năng lực đưa ra những nhận định về một sản phẩm, quá trình, dịch vụ công nghệ với góc nhìn đa chiều về vai trò, chức năng, chất lượng, kinh tế – tài chính, tác động môi trường và những mặt trái của kĩ thuật, công nghệ.

– *Thiết kế kĩ thuật*: là năng lực phát hiện nhu cầu, vấn đề cần giải quyết, cần đổi mới trong thực tiễn; đề xuất giải pháp kĩ thuật, công nghệ đáp ứng nhu cầu, giải quyết vấn đề đặt ra; hiện thực hoá giải pháp kĩ thuật, công nghệ; thử nghiệm và đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu, vấn đề đặt ra. Quá trình trên được thực hiện trên cơ sở xem xét đầy đủ các khía cạnh về tài nguyên, môi trường, kinh tế và nhân văn.

Yêu cầu cần đạt về năng lực công nghệ đối với HS mỗi lớp học, cấp học được quy định trong chương trình môn Công nghệ. Trong đó, việc hình thành và phát triển năng lực công nghệ trong môn Công nghệ 7 được thể hiện như sau:

– Năng lực nhận thức công nghệ được hình thành chủ yếu thông qua việc trình bày được vai trò, triển vọng, một số phương thức phổ biến của trồng trọt, trồng cây rừng, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến của trồng trọt; giáo dục ý thức bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Năng lực nhận thức công nghệ được hình thành và phát triển

thông qua các hoạt động khám phá hình thành kiến thức mới, củng cố các hoạt động luyện tập, vận dụng,...

– Năng lực giao tiếp công nghệ được hình thành chủ yếu thông qua việc mô tả được các bước cơ bản, mục đích, yêu cầu kỹ thuật trong quy trình trồng trọt, trồng và chăm sóc cây rừng; nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho vật nuôi và động vật thủy sản, bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản. Năng lực giao tiếp với công nghệ được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động như quan sát, so sánh, thực hành, xử lý dữ liệu, tổng hợp kết quả và trình bày báo cáo kết quả,...

– Năng lực sử dụng công nghệ được hình thành chủ yếu thông qua việc sử dụng đúng cách, an toàn và có hiệu quả một số dụng cụ và vật tư chính trong nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành; thực hiện quy trình trồng và chăm sóc một loại cây trồng; quy trình trồng, chăm sóc cây rừng; nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe vật nuôi; thực hành kiểm tra chất lượng môi trường nước nuôi thủy sản và các bước kỹ thuật nuôi cá trong ao,...

– Năng lực đánh giá công nghệ được thực hiện chủ yếu trong quá trình nhận xét, lựa chọn mùa vụ, cây giống, con giống, phương thức, một số loại dụng cụ và vật tư chính trong trồng trọt, trồng cây rừng, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản,...

– Năng lực thiết kế công nghệ được hình thành và phát triển thông qua các nội dung dạy HS lập kế hoạch và tính toán chi phí cho việc trồng và chăm sóc một loại cây trồng; nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi; nuôi và chăm sóc một loại thủy sản,...

III. SÁCH GIÁO KHOA CÔNG NGHỆ 7

1. Cấu trúc, nội dung sách giáo khoa Công nghệ 7

1.1. Cấu trúc sách giáo khoa Công nghệ 7

Sách giáo khoa Công nghệ 7 bộ sách Cánh Diều được biên soạn theo định hướng học tập thông qua trải nghiệm và khám phá góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực chung và năng lực công nghệ cho HS. Cấu trúc sách giáo khoa Công nghệ 7 như sau:

Phần đầu sách có *Hướng dẫn sử dụng sách*, giúp HS hiểu được ý nghĩa của các biểu tượng trong các bài học, ghi nhớ các biểu tượng để nhận biết, phân biệt các hoạt động trong từng bài học. Từ đó, HS chủ động làm việc với sách giáo khoa; tích cực tham gia các hoạt động học tập trải nghiệm và khám phá. Trang Lời nói đầu giúp HS và giáo viên (GV) hiểu được ý tưởng của sách, mục đích của sách và những nội dung chính định hướng học tập, giúp HS hiểu và tăng khả năng tự học, tăng tính hấp dẫn của cuốn sách.

Nội dung chính của sách giáo khoa Công nghệ 7 bộ sách Cánh Diều được cấu trúc thành hai chủ đề: Chủ đề 1 – Trồng trọt và Lâm nghiệp, Chủ đề 2 – Chăn nuôi và Thủy sản. Các chủ đề của sách được sắp xếp dựa trên cấu trúc nội dung đã được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Công nghệ 7, đáp ứng yêu cầu của

thực tiễn giáo dục HS lớp 7. Mỗi trang chủ đề có hình ảnh đại diện thể hiện đặc trưng của chủ đề tạo sự thống nhất, khoa học và hấp dẫn cho HS; đồng thời có tên các bài học trong chủ đề để định hướng học tập cho HS.

Phần cuối của sách giáo khoa có *Bảng giải thích thuật ngữ*, bước đầu giúp HS làm quen với việc tra cứu, hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu.

1.2. Nội dung sách giáo khoa Công nghệ 7

Nội dung sách giáo khoa Công nghệ 7 bộ sách Cánh Diều có 2 chủ đề, mỗi chủ đề có bảy bài học; cuối mỗi chủ đề có một bài ôn tập để tổng kết giúp HS hệ thống hoá kiến thức, luyện tập và vận dụng những nội dung đã học trong chủ đề. Nội dung các bài học thể hiện đúng và đầy đủ yêu cầu cần đạt trong chương trình môn Công nghệ 7. Các chủ đề phát triển theo hướng đi từ những quan sát gần gũi và thực tế hằng ngày của HS ở nhà, ở trường, đến các quan sát xa hơn là cộng đồng, quê hương, hoặc các nơi trên thế giới. Nội dung bài học được minh hoạ tối đa các hình ảnh thể hiện nội dung kiến thức, đảm bảo tính thẩm mỹ, đại diện, sự phạm.

Chủ đề 1 – Trồng trọt và Lâm nghiệp, HS sẽ được hướng dẫn để tìm hiểu, khám phá về vai trò, triển vọng của trồng trọt; một số ngành nghề chính trong trồng trọt; trồng trọt công nghệ cao; một số phương thức trồng trọt phổ biến và quy trình trồng trọt; lập kế hoạch, tính toán chi phí cho việc trồng và chăm sóc một loại cây trồng; nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành; tìm hiểu về vai trò của rừng, phân biệt các loại rừng phổ biến ở nước ta; tìm hiểu quy trình trồng và chăm sóc cây rừng; các biện pháp bảo vệ rừng. Qua đó, HS sẽ học được các tri thức, kĩ thuật cơ bản trong trồng trọt và trồng rừng, từ đó sẽ góp phần làm tăng ý thức yêu lao động, yêu thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

Chủ đề 2 – Chăn nuôi và Thủy sản, HS sẽ được tìm hiểu, nghiên cứu và khám phá về vai trò, triển vọng của chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; nhận biết một số vật nuôi và loại thủy sản phổ biến ở nước ta; tìm hiểu một số phương thức chăn nuôi phổ biến; đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi được giống, vật nuôi cái sinh sản và một loại thủy sản phổ biến; lập kế hoạch, tính toán chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi và một loại thủy sản phổ biến; có ý thức bảo vệ môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Qua đó, HS sẽ học được khám phá các tri thức cơ bản trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, đồng thời góp phần làm tăng tình yêu thương động vật, yêu lao động và bảo vệ môi trường.

Trong quá trình biên soạn sách giáo khoa Công nghệ 7, các tác giả đã thiết kế nội dung bài học và hoạt động phù hợp với yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông môn Công nghệ 7 và đặc điểm tâm lí của HS, có tính toán đến những kiến thức mà HS đã thu nhận được từ các lớp dưới và các môn học khác.

2. Cấu trúc nội dung bài học Công nghệ 7

Các chủ đề và bài học là phần quan trọng nhất của sách giáo khoa Công nghệ 7. Mỗi bài học được xác định là một chủ đề nhỏ trong chủ đề lớn (chủ đề 1, chủ đề 2). Thời lượng mỗi bài học từ 1 – 3 tiết học (đa số là các bài 2 tiết) giúp GV linh hoạt triển khai hoạt động học tập phù hợp với trình độ và đối tượng HS.

Nội dung các bài học chủ yếu được thể hiện theo mô hình của lí thuyết kiến tạo (mô Hình 5E), làm cơ sở cho HS tìm tòi, khám phá, trải nghiệm các vấn đề về công nghệ trong Trồng trọt, Lâm nghiệp, Chăn nuôi, Thủy sản.

Ở mỗi bài học, ngoài phần đầu là tên bài, mục tiêu bài học; phần cuối bài học là nội dung chốt kiến thức cốt lõi; cấu trúc chung của các bài học bao gồm: Tuyến nội dung và Tuyến hoạt động được thiết kế song song. Trong đó:

Tuyến nội dung trình bày các nội dung tri thức khoa học cơ bản, cốt lõi, hiện đại về các nội dung trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản; phù hợp với mục tiêu chương trình và phù hợp với đặc điểm HS lớp 7, đảm bảo tính vùng miền. Nội dung bài được thể hiện qua kênh chữ, kênh hình trực quan, giúp HS hứng thú tìm hiểu, khám phá tri thức.

Tuyến hoạt động gồm nhiều hoạt động học tập đa dạng nhằm tạo điều kiện cho GV đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; khuyến khích HS học tập tích cực và chủ động thông qua các hoạt động quan sát, thảo luận, chia sẻ với bạn bè, giải quyết vấn đề, liên hệ vận dụng thực tiễn, trải nghiệm thực tế,... Tuyến hoạt động gồm các hoạt động chính như sau:

- Hoạt động **Mở đầu** để gắn kết vào bài học, được thể hiện bằng nhiều hình thức đa dạng. Mục đích của hoạt động này là kích thích HS động não và giúp các em nhớ lại những kiến thức, kĩ năng đã học, đã biết về vấn đề liên quan đến nội dung bài học. Ví dụ: mở đầu bằng quan sát tranh, ảnh, sơ đồ,... trả lời câu hỏi nêu vấn đề,...

- Hoạt động **Khám phá kiến thức mới** và **Hình thành kĩ năng** thông qua Quan sát, Nghiên cứu tài liệu, Trả lời câu hỏi, Thảo luận, Thực hành rèn luyện kĩ năng,... Sách giáo khoa Công nghệ 7 có nhiều tranh ảnh, hình vẽ, sơ đồ và các câu hỏi tình huống nhằm tạo cơ hội cho HS được trải nghiệm, tìm tòi và khám phá kiến thức mới dưới nhiều dạng hoạt động khác nhau.

- Hoạt động **Luyện tập** giúp các em củng cố kiến thức thông qua các *Câu hỏi, Bài tập, Tình huống thực tiễn*,... Hoạt động này tạo điều kiện cho HS được trình bày, miêu tả, phân tích các trải nghiệm hoặc quan sát thu nhận được ở bước khám phá, giúp HS kết nối và thấy được sự liên hệ với trải nghiệm trước đó.

- Hoạt động **Vận dụng kiến thức** thông qua *Trả lời các câu hỏi, bài tập liên hệ vận dụng, Xử lí tình huống*,... HS có cơ hội được khắc sâu và mở rộng kiến thức, kĩ năng của bài học thông qua trả lời các câu hỏi, làm bài tập, thực hành, vận dụng, giải quyết

các tình huống thực tiễn. Từ đó HS có thể áp dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn trồng trọt, chăn nuôi,... ở gia đình, địa phương. Đặc biệt, trong từng chủ đề đều có bài ôn tập, hệ thống hoá kiến thức, luyện tập, vận dụng tổng hợp.

Các bài học trong sách giáo khoa Công nghệ 7 được thiết kế nhiều câu hỏi, bài tập, tình huống và hoạt động thực hành giúp đánh giá quá trình kết hợp với đánh giá định kì kết quả học tập của HS theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngoài ra, trong bài học có phần mở rộng, thể hiện ở mục **Em có biết/Tìm hiểu thêm**. Nội dung này giúp HS tìm tòi, mở rộng hiểu biết về các kiến thức, sự kiện liên quan đến nội dung bài học, để gây hứng thú học tập cho HS; tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, an toàn lao động,...

Các hoạt động học tập được trình bày theo nội dung bài. Tùy tính chất của nội dung và yêu cầu cần đạt của bài học mà có thể có tất cả các hoạt động trên hoặc chỉ có một số hoạt động.

Sau mỗi chủ đề có một bài **Ôn tập** được thể hiện bằng sơ đồ hoá các kiến thức và mối liên hệ giữa các kiến thức đã học, nhằm phát triển năng lực tư duy tổng hợp, khái quát hoá. Đồng thời có nhiều dạng câu hỏi, bài tập vận dụng, xử lí tình huống,... giúp HS luyện tập và củng cố tổng hợp, vận dụng các kiến thức vào cuộc sống ở nhà, ở trường,... Từ đó, HS hình thành các kĩ năng, ý thức trong trồng trọt; trồng và chăm sóc cây rừng; nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho vật nuôi; nuôi trồng, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho các loại thuỷ sản.

Trong bài học có các hoạt động thực hành để HS rèn luyện kĩ năng sử dụng công nghệ. Đồng thời qua các hoạt động luyện tập, vận dụng, giúp HS có cơ hội trải nghiệm thực tế, tạo điều kiện cho HS phát hiện và giải quyết vấn đề trong trồng trọt ở địa phương, góp phần định hướng nghề nghiệp cho HS. Tùy điều kiện từng trường, vùng miền và đối tượng HS, GV linh hoạt tổ chức dạy học cho phù hợp.

I. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT TỔ CHỨC DẠY HỌC CÔNG NGHỆ 7

1. Cơ sở lựa chọn phương pháp và kỹ thuật dạy học

Khi lựa chọn phương pháp và kỹ thuật dạy học, GV cần căn cứ vào một số cơ sở sau đây:

- Căn cứ vào mục tiêu dạy học, cụ thể hơn là mục tiêu bài học. Căn cứ mục tiêu bài học, GV lựa chọn những phương pháp và kỹ thuật dạy học phù hợp. Ví dụ: Mục tiêu Bài số 3. Nhân giống cây trồng là sau khi học xong bài học HS thực hiện được phương pháp nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành thì GV phải lựa chọn phương pháp thực hành, phương pháp trực quan làm mẫu bắt chước để tổ chức học tập cho HS.

- Căn cứ vào nội dung dạy học, cụ thể hơn là nội dung bài học, cũng là cơ sở quan trọng để lựa chọn phương pháp và kỹ thuật dạy học. Ví dụ: Bài 4. Giới thiệu chung về rừng, ở Nội dung 2. Các loại rừng phổ biến ở nước ta, GV có thể vận dụng PPDH trực quan, sử dụng phiếu học tập kết hợp với làm việc nhóm để tổ chức hoạt động cho HS phân biệt được các loại rừng phổ biến ở nước ta.

- Căn cứ vào cơ sở vật chất và thiết bị dạy học. Căn cứ vào điều kiện của nhà trường mà GV lựa chọn phương pháp và kỹ thuật dạy học cho phù hợp. Ví dụ: Nội dung 2. Một số vật nuôi phổ biến ở Việt Nam, Bài 8. Giới thiệu chung về chăn nuôi, nếu nhà trường có máy chiếu, máy tính và các video trực quan về một số giống vật nuôi được nuôi nhiều và vật nuôi đặc trưng cho một số vùng miền ở Việt Nam thì GV có thể sử dụng phương pháp dạy học trực quan kết hợp với tổ chức làm việc nhóm. Nếu không có tranh, ảnh về một số giống vật nuôi thì GV phải sử dụng sách giáo khoa để tổ chức học tập cho HS,...

- Căn cứ vào năng lực nhận thức, điều kiện sống của HS từng lớp mà GV lựa chọn phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp. Ví dụ: Bài 13. Quản lý môi trường ao nuôi và phòng, trị bệnh thủy sản, khi dạy nội dung Thực hành đo nhiệt độ và độ trong của nước nuôi thủy sản cho HS ở thành phố sẽ khác với dạy cho HS ở vùng nông thôn có nhiều ao, hồ,...

Ngoài ra, việc lựa chọn phương pháp và kỹ thuật dạy học cũng một phần phụ thuộc vào sở trường, năng lực, quan điểm của GV,...

2. Tiêu chí đánh giá việc lựa chọn phương pháp và kĩ thuật dạy học

Mỗi hoạt động dạy học có đặc trưng khác nhau, do đó cần lựa chọn phương pháp, kĩ thuật dạy học phù hợp cho từng hoạt động. Các tiêu chí để đánh giá PPDH được sử dụng trong hoạt động dạy học là:

- Phát huy hứng thú học tập, thúc đẩy sự tham gia của HS
- Tạo thách thức nhận thức phù hợp với tâm sinh lí của HS.
- Khuyến khích tính tự chủ, tích cực của HS.
- Đa dạng, đảm bảo phân hoá, phù hợp nhịp độ học tập.
- Được biểu hiện qua hoạt động học tập, thực hành, trải nghiệm.

3. Yêu cầu chung của việc sử dụng phương pháp và kĩ thuật dạy học

Để tổ chức được các hoạt động học tập tích cực cho học sinh học tập các bài học môn Công nghệ 7 phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí, năng lực của học sinh, điều kiện của gia đình, nhà trường và địa phương, nhằm nâng cao hứng thú học tập, hình thành và phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh, GV cần lưu ý bám sát các yêu cầu sau:

– Vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học phát huy tính chủ động, sáng tạo, tích cực và phù hợp với sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh; coi trọng việc học tập dựa trên hành động, trải nghiệm, thực hành, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản ở gia đình, địa phương,...

– Khai thác có hiệu quả hệ thống các thiết bị dạy học tối thiểu được trang bị cho tổ bộ môn, nhà trường; coi trọng các nguồn tư liệu ngoài sách giáo khoa; khai thác lợi thế của công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Công nghệ 7.

– Tuỳ theo mục tiêu bài học Công nghệ 7, tính chất của hoạt động, GV tổ chức cho học sinh làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi học sinh được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế; đồng thời phải phù hợp với điều kiện tổ chức lớp học, cơ sở vật chất của nhà trường, tận dụng các lợi thế của địa phương có liên quan về trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản.

– Vận dụng sáng tạo tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn công nghệ, tiết kiệm năng lượng; giáo dục STEM, góp phần hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất gắn với giáo dục hướng nghiệp cho học sinh.

4. Tổ chức các hoạt động học tập

Theo hướng dẫn tại Công văn số 5512/BGDĐT–GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tiến trình các hoạt động dạy học trong bài học như sau:

- Hoạt động 1. Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/khởi động
- Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới, kĩ năng mới.

– Hoạt động 3. Luyện tập

– Hoạt động 4. Vận dụng

Trong mỗi hoạt động, GV cần nêu rõ: Mục tiêu hoạt động; Nội dung hoạt động; Sản phẩm của hoạt động; Tổ chức thực hiện.

Các bước tổ chức thực hiện một hoạt động học: (1) Giao nhiệm vụ học tập; (2) Thực hiện nhiệm vụ (HS thực hiện nhiệm vụ; GV theo dõi, hỗ trợ); (3) Báo cáo, thảo luận (GV tổ chức, điều hành; HS báo cáo, thảo luận); (4) Kết luận, nhận định.

Ngoài các hoạt động trên, trong sách công nghệ 10 cũng trình bày hoạt động mở rộng để mở rộng kiến thức, làm tăng hứng thú học tập, nâng cao giá trị của tri thức công nghệ trồng trọt, góp phần giáo dục bảo vệ môi trường, định hướng nghề nghiệp,... cho HS.

Các hoạt động trong bài học Công nghệ 7 bộ sách Cánh Diều được thiết kế dựa trên cơ sở của lí thuyết dạy học tích cực, dạy học thông qua hoạt động của HS, học tập thông qua tìm tòi, khám phá, trải nghiệm; phù hợp với con đường thu nhận và hình thành kiến thức của HS là: đi từ quan sát thực tế đến thu nhận thức kiến thức, rèn luyện kĩ năng, hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CÔNG NGHỆ 7

Mục đích đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong suốt quá trình học tập, qua đó điều chỉnh hoạt động dạy và học.

Theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông môn Công nghệ 2018, Chương trình môn Công nghệ 7 có 31 tiết cho các bài học và 4 tiết cho kiểm tra, đánh giá. Theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, ngày 20/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định về đánh giá HS THCS và HS THPT khi thực hiện chương trình GDPT 2018, môn Công nghệ 7 có thời lượng là 35 tiết, có 02 điểm đánh giá thường xuyên, 01 điểm đánh giá giữa kì, 01 điểm đánh giá cuối kì.

Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức các hoạt động học được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy thông qua các hình thức: hỏi – đáp, viết, thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập. Đối với mỗi hình thức, khi đánh giá bằng điểm số, GV phải thông báo trước cho HS về các tiêu chí đánh giá và định hướng cho HS tự học; chú trọng đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả thực hiện của HS theo yêu cầu của câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập đã được nêu cụ thể trong Kế hoạch bài dạy.

Đánh giá quá trình phải được tiến hành thường xuyên, liên tục và tích hợp vào trong các hoạt động dạy học, đảm bảo mục tiêu đánh giá vì sự tiến bộ của HS; GV nên khuyến khích tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Đối với bài kiểm tra, đánh giá định kì: GV cần thảo luận với tổ chuyên môn để thống nhất xây dựng ma trận đề kiểm tra, đánh giá định kì phù hợp với yêu cầu cần đạt của môn Công nghệ 7. Ma trận đề kiểm tra, đánh giá định kì gồm có ngân hàng câu hỏi tự luận và trắc nghiệm khách quan. Các câu hỏi tự luận và câu hỏi trắc nghiệm khách quan được xây dựng theo 4 mức độ yêu cầu như sau:

- Nhận biết: Các câu hỏi yêu cầu HS nhận ra, nhớ lại các thông tin đã được tiếp nhận trước đó hoặc mô tả đúng kiến thức, kĩ năng đã học theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học.

- Thông hiểu: Các câu hỏi yêu cầu HS giải thích, diễn đạt được thông tin theo ý hiểu của cá nhân; so sánh, áp dụng trực tiếp kiến thức, kĩ năng đã học theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học.

- Vận dụng: Các câu hỏi yêu cầu HS sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề đặt ra trong các tình huống gắn với nội dung đã được học ở các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học.

- Vận dụng cao: Các câu hỏi yêu cầu HS vận dụng tổng hợp kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề đặt ra trong các tình huống mới, các vấn đề thực tiễn phù hợp với mức độ cần đạt của chương trình môn học.

Đối với bài kiểm tra thực hành: Đây là một lợi thế của môn Công nghệ. GV thảo luận với tổ chuyên môn xây dựng các bài kiểm tra thực hành để kiểm tra, đánh giá định kì môn học. Trong đó, bài kiểm tra thực hành phải nêu rõ các tiêu chí cụ thể để đánh giá phù hợp với yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

Ngoài ra, GV nên khuyến khích HS viết tự nhận xét về ưu điểm, hạn chế, sự tiến bộ của bản thân trong học tập, rèn luyện đối với từng môn học cuối mỗi học kì. Căn cứ vào kết quả đánh giá thường xuyên và định kì, GV tổng hợp đưa ra nhận xét, đánh giá để HS hoàn thiện, chỉnh sửa và gửi thông báo cho cha mẹ HS.

III. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC CÔNG NGHỆ 7

1. Cơ sở lập kế hoạch dạy học

- Căn cứ vào Chương trình Giáo dục phổ thông 2018: Chương trình tổng thể và Chương trình môn Công nghệ.

- Căn cứ theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lí cấp trên. Hiện tại theo Công văn 5512/BGDĐT–GDTrH ngày 18/12/2020 về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; Thông tư số 22/2021/TT–BGDĐT, ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

- Căn cứ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp có thẩm quyền: Bộ GD&ĐT, Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố, của Sở/Phòng Giáo dục & Đào tạo,...

– Căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ dạy học môn học; căn cứ đội ngũ GV, đặc điểm HS của nhà trường; căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, của tổ chuyên môn; căn cứ phương án thực hiện kế hoạch dạy học môn Công nghệ 7.

– Căn cứ bộ sách giáo khoa Công nghệ 7, các tài liệu tham khảo của Bộ sách Cánh Diều và các bộ sách khác có liên quan,...

Nhà trường, Tổ chuyên môn và GV chủ động trong xây dựng kế hoạch, có thể điều chỉnh kế hoạch dạy học Công nghệ 7 cho phù hợp.

2. Kế hoạch dạy học Công nghệ 7

Thời lượng dành cho môn Công nghệ 7 là 35 tiết/năm học. Số tiết dành các bài học là 31 tiết (kể cả bài ôn tập); cho kiểm tra, đánh giá là 4 tiết (10%). Tùy theo điều kiện thực tế ở từng trường, địa phương mà bố trí thời khoá biểu phù hợp để GV và HS thuận lợi trong quá trình tổ chức học tập. Dự kiến phân bổ thời lượng như sau:

Chủ đề	TT	Tên bài	Số tiết
TRỒNG TRỌT VÀ LÂM NGHIỆP	1	Giới thiệu chung về trồng trọt	3
	2	Quy trình trồng trọt	3
	3	Nhân giống cây trồng	2
	4	Giới thiệu chung về rừng	2
	5	Trồng cây rừng	2
	6	Chăm sóc cây rừng sau khi trồng	2
	7	Bảo vệ rừng	1
		Ôn tập chủ đề 1. Trồng trọt và Lâm nghiệp	1
CHĂN NUÔI VÀ THỦY SẢN	8	Giới thiệu chung về chăn nuôi	2
	9	Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi	3
	10	Phòng và trị bệnh cho vật nuôi	3
	11	Giới thiệu chung về nuôi trồng thủy sản	1
	12	Quy trình nuôi cá nước ngọt trong ao	2
	13	Quản lý môi trường ao nuôi và phòng, trị bệnh thủy sản	2
	14	Bảo vệ môi trường nuôi và nguồn lợi thủy sản	1
		Ôn tập chủ đề 2. Chăn nuôi và Thủy sản	1

IV. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Kế hoạch bài dạy môn Công nghệ là kịch bản dạy học do GV thiết kế bao gồm các hoạt động của GV và HS trong quá trình dạy học một bài học nhằm giúp HS chiếm lĩnh được kiến thức và đạt được các phẩm chất và năng lực cần thiết.

Kế hoạch bài dạy được xây dựng trong giai đoạn chuẩn bị bài lên lớp, có ảnh hưởng rất lớn đến sự thành công của bài dạy, là sản phẩm mang tính cá nhân của GV. Kế hoạch bài dạy môn Công nghệ có thể tiến hành theo tiến trình sau:

1. Phân tích chủ đề bài học.
2. Xác định mục tiêu bài học theo yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực HS.
3. Xây dựng nội dung dạy học.
4. Xác định chuỗi hoạt động học phù hợp.
5. Xây dựng các hoạt động học phù hợp.
6. Hoàn thiện kế hoạch bài dạy.

Cấu trúc khung kế hoạch bài dạy được tóm tắt như sau:

Trường:

Họ và Tên GV:

Tổ:

TÊN BÀI DẠY: Số tiết:

Môn học: Công nghệ 10 – Công nghệ trồng trọt; lớp:.....

Thời gian thực hiện: ngày...tháng...năm...(hoặc từ .../.../... đến .../.../...)

I. MỤC TIÊU: Nêu cụ thể HS thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì.

1. Năng lực (năng lực công nghệ, năng lực chung)

2. Phẩm chất

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

4. Hoạt động 4: Vận dụng

Trong mỗi hoạt động có 4 nội dung:

a) *Mục tiêu:* Nêu mục tiêu giúp học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập như thế nào.

b) *Nội dung:* Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể của học sinh.

c) *Sản phẩm:* Trình bày cụ thể về kiến thức mới/kết quả giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ học tập mà học sinh cần viết ra, trình bày được.

d) *Tổ chức thực hiện:* Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.

Trong mỗi hoạt động, ở nội dung (d) *Tổ chức thực hiện*, nên thể hiện 4 nội dung công việc sau:

(i) *Chuyển giao nhiệm vụ học tập*: nhiệm vụ học tập rõ ràng và phù hợp với khả năng của HS, thể hiện ở việc nêu vấn đề, hướng dẫn cách thực hiện và yêu cầu về sản phẩm mà HS phải hoàn thành khi thực hiện nhiệm vụ; hình thức giao nhiệm vụ sinh động, hấp dẫn, kích thích được hứng thú học tập của HS; đảm bảo cho tất cả HS tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

(ii) *Tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ học tập*: khuyến khích HS hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập; phát hiện kịp thời những khó khăn của HS và có biện pháp hỗ trợ kịp thời, phù hợp, hiệu quả; không “bỏ quên” HS nào.

(iii) *Tổ chức cho HS trình bày kết quả và thảo luận*: hình thức trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ phù hợp với nội dung học tập và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng; khuyến khích cho HS trao đổi, thảo luận với nhau về nội dung học tập; xử lý những tình huống sư phạm nảy sinh một cách hợp lý.

(iv) *Nhận xét, đánh giá thực hiện nhiệm vụ học tập*: nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và những ý kiến trao đổi, thảo luận của HS nhằm giúp HS có hứng thú, niềm tin trong học tập, cải thiện được kết quả học tập; chính xác hoá các kiến thức mà HS đã học được thông qua hoạt động. Đồng thời, cuối nội dung công việc thứ 4, GV cần chốt những kiến thức trọng tâm, chủ yếu của bài.

Khi lập kế hoạch bài dạy, GV có thể tham khảo các gợi ý trong Sách giáo viên môn Công nghệ 7 bộ sách Cánh Diều. Sau mỗi lần thực hiện, GV có thể xem xét, điều chỉnh kế hoạch bài dạy để tăng tính khả thi, hiệu quả dạy học.

V. TÀI LIỆU BỔ TRỢ DẠY HỌC CÔNG NGHỆ 7

1. Sách giáo viên Công nghệ 7

Sách giáo viên Công nghệ 7 hỗ trợ GV hiểu được mục tiêu, đặc điểm cấu trúc nội dung Công nghệ 7; định hướng phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS; lập kế hoạch bài dạy và tổ chức thực hiện dạy học trên lớp; trình bày gợi ý trả lời, đáp án các câu hỏi, nhiệm vụ, bài tập được nêu ra trong các bài học. Đây là một tài liệu hỗ trợ quan trọng, cần thiết cho GV trong quá trình dạy học. Nội dung sách gồm hai phần:

Phần 1. Những vấn đề chung

Phần này trình bày những vấn đề chung về mục tiêu, cấu trúc, nội dung chương trình giáo dục phổ thông môn Công nghệ cấp trung học cơ sở; yêu cầu cần đạt môn Công nghệ 7; phương pháp tổ chức hoạt động học tập, phương tiện dạy học và định hướng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS trong dạy học Công nghệ 7. Ngoài việc phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, định hướng quan trọng trong dạy học Công nghệ 7 là hình thành và phát triển năng lực công nghệ trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi và thủy sản cho HS. Để GV thuận lợi trong quá trình xây

dựng kế hoạch bài dạy, sách giáo viên Công nghệ 7 trình bày những điểm cơ bản về cấu trúc nội dung và hình thức trình bày, dự kiến phân bổ thời lượng các bài học trong sách giáo khoa Công nghệ 7, bộ sách Cánh Diều.

Phần 2. Hướng dẫn dạy học các bài trong sách giáo khoa Công nghệ 7

Phần này gồm những bài hướng dẫn, gợi ý cho GV về kế hoạch tổ chức HS học tập các bài học trong sách giáo khoa môn Công nghệ 7. Các tác giả bám sát hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung bộ sách Công nghệ 7 bộ sách Cánh Diều để gợi ý cho GV xây dựng kế hoạch bài dạy theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS; gợi ý cách tổ chức các hoạt động học tập, trả lời câu hỏi, bài tập, tình huống trong các bài học. Các nội dung chính trong kế hoạch bài dạy gồm: mục tiêu bài học; cấu trúc nội dung; đồ dùng, thiết bị dạy học; gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học; đáp án các câu hỏi trong bài học; đánh giá. Một số bài có phần mở rộng, phụ lục. Những bài từ 2 tiết trở lên có thêm gợi ý phân bổ thời lượng ở cuối bài.

2. Học liệu điện tử

Để hỗ trợ việc dạy và học của GV và HS, công ty VEPIC phối hợp với nhóm tác giả đã thiết kế một số học liệu điện tử: video thực hành nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành (hỗ trợ dạy học Bài 3. Nhân giống cây trồng, Chủ đề 1. Trồng trọt và lâm nghiệp, video bài dạy mẫu về Phòng và trị bệnh cho vật nuôi (tài liệu cho GV tham khảo trong quá trình tổ chức dạy học môn Công nghệ 7),...

Ngoài ra, GV có thể khai thác các tranh, ảnh điện tử; phần mềm mô phỏng, thí nghiệm ảo; video; tư liệu khác phục vụ cho tổ chức dạy học các bài học trong môn Công nghệ 7. Tùy điều kiện của nhà trường, GV có thể đề nghị Tổ bộ môn, nhà trường bổ sung các trang thiết bị, phương tiện dạy học khác để tổ chức các hoạt động dạy học tích cực cho HS như: hệ thống máy tính, máy chiếu kết nối mạng Internet và một số phần mềm thông dụng để thiết kế các trò chơi học tập, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS,... Các trang thiết bị này sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy học, tăng cường hiệu quả tổ chức dạy học trực tiếp hoặc trực tuyến.

3. Thiết bị dạy học Công nghệ 7

Để hình thành và phát triển năng lực công nghệ cho HS, trong dạy học môn Công nghệ 7, GV cần tăng cường tổ chức cho HS tham gia các hoạt động khám phá, luyện tập, thực hành, hoạt động trải nghiệm, giải quyết vấn đề,... Muốn vậy, nhà trường, GV bộ môn Công nghệ cần phải có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thiết bị tối thiểu cấp trung học cơ sở môn Công nghệ, ngoài các thiết bị dùng chung, GV cần có một số thiết bị tối thiểu để dạy học một số bài trong môn Công nghệ 7 như sau:

3.1. Tranh ảnh

– Bài 1. Giới thiệu chung về trồng trọt: Tranh Mô hình trồng trọt công nghệ cao, mô tả mô hình nhà kính trồng cây có hệ thống tưới nước và làm mát tự động; có hệ thống cảm biến ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm; sử dụng để minh họa, khám phá kiến thức.

– Bài 2. Quy trình sản xuất trong trồng trọt: Tranh Quy trình trồng trọt, mô tả sơ đồ các bước trong quy trình trồng trọt; sử dụng để minh họa, khám phá kiến thức.

– Bài 8. Giới thiệu chung về chăn nuôi: Tranh Một số vật nuôi đặc trưng theo vùng miền ở nước ta; sử dụng để tổ chức minh họa, khám phá kiến thức.

– Bài 11. Giới thiệu chung về nuôi trồng thủy sản: Tranh Một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta; sử dụng để minh họa, tìm hiểu, khám phá kiến thức cho HS.

3.2. Dụng cụ

– Bài 3. Nhân giống cây trồng: Bộ dụng cụ giám canh để tổ chức cho HS thực hành giám canh.

– Bài 13. Quản lý môi trường ao nuôi và phòng trị bệnh thủy sản: Bộ Thiết bị đo nhiệt độ nước; Đĩa đo độ trong của nước (đĩa Secchi); Thùng nhựa đựng nước (hoặc sử dụng môi trường nước thực tế thay cho thùng nhựa) để thực hành đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản.

Ngoài ra, tùy đặc điểm, điều kiện cơ sở vật chất nhà trường, đội ngũ GV và HS,...; GV có thể đề nghị Tổ bộ môn, nhà trường bổ sung các trang thiết bị, phương tiện dạy học khác để tổ chức các hoạt động dạy học tích cực cho HS như: thiết kế vườn trường; mua bổ sung các tranh ảnh, video, mô hình động, phần mềm thí nghiệm ảo liên quan đến các nội dung khác trong các chủ đề, bài học; hệ thống máy tính, máy chiếu, màn chiếu kết nối mạng Internet và một số phần mềm thông dụng để thiết kế các trò chơi học tập, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS,... Các trang thiết bị này sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy học, tăng cường hiệu quả tổ chức dạy học trực tiếp hoặc trực tuyến.

BÀI 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TRỒNG TRỌT**I. MỤC TIÊU**

Sau bài học này, HS cần đạt:

Năng lực:

Năng lực công nghệ:

- Trình bày được vai trò, triển vọng của trồng trọt.
- Kể tên được các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam.
- Nêu được một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam.
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao.
- Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong trồng trọt.

Năng lực chung:

- Phát triển kỹ năng phân tích thông qua hoàn thành các bài tập luyện tập và vận dụng.
- Tự nghiên cứu, thu thập thông tin, dữ liệu qua nội dung trong SGK để trả lời câu hỏi.
- Hợp tác theo nhóm để thảo luận về các phương thức trồng trọt, nhận diện các công nghệ cao trong trồng trọt.
- Giải quyết các vấn đề gắn với thực tiễn của ngành trồng trọt địa phương.

Phẩm chất:

- Có tinh thần tự học, chăm chỉ, nhiệt tình tham gia các hoạt động cá nhân và nhóm.
- Có tinh thần trách nhiệm với các chủ đề học và vận dụng vào thực tiễn địa phương.
- Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong trồng trọt.

II. CẤU TRÚC, NỘI DUNG

Trồng trọt là hoạt động trung tâm của nông nghiệp bao gồm việc trồng trọt các loại cây trồng khác nhau để phục vụ cho mục đích khác nhau của con người. Bài giới thiệu chung về trồng trọt trước hết tìm hiểu và vai trò và triển vọng của trồng trọt; giới thiệu các nhóm cây trồng phổ biến trong trồng trọt; các phương thức trồng trọt; trồng

trọt công nghệ cao. Đồng thời, giới thiệu những ngành nghề trong trồng trọt giúp cho ngành trồng trọt được vận hành một cách phù hợp.

III. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Sách giáo khoa Công nghệ 7.
- Phiếu học tập.
- Giấy A0, A4, bút dạ, bút màu,...

IV. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động 1. Mở đầu/Khởi động

Mục tiêu:

– HS liên hệ những thực phẩm ăn hằng ngày với những sản phẩm của ngành trồng trọt từ đó nhận biết được vai trò quan trọng của trồng trọt trong đời sống con người là sản xuất lương thực, thực phẩm.

- Tạo hứng thú cho HS với chủ đề.

Nội dung: Câu hỏi mở đầu trang 6 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS xem Hình 1.1 và yêu cầu HS trả lời câu hỏi cho từng hình.
- GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có).
- GV có thể yêu cầu HS đưa ra các ví dụ khác.

Sau hoạt động Mở đầu/Khởi động, GV dẫn dắt HS vào bài học.

1. Vai trò và triển vọng của trồng trọt

1.1. Vai trò của trồng trọt

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

Mục tiêu: HS nhận biết được vai trò của trồng trọt.

Nội dung: Câu hỏi hình thành kiến thức trang 6 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện: GV yêu cầu HS đọc nội dung của Mục 1.1. Vai trò của trồng trọt và quan sát Hình 1.2 để trả lời câu hỏi. Sau đó, với mỗi hình trong Hình 1.2: GV gọi HS trả lời câu hỏi cho từng hình. GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có). GV đưa ra đáp án cho từng hình.

1.2. Triển vọng của trồng trọt

Hoạt động 3. Hình thành kiến thức

Mục tiêu: HS nhận biết được triển vọng của trồng trọt.

Nội dung: Câu hỏi hình thành kiến thức trang 7 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS đọc nội dung của Mục 1.2. Triển vọng của trồng trọt và trả lời câu hỏi.
- GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét và đưa ra đáp án.

Hoạt động 4. Vận dụng

Mục tiêu: HS liên hệ được những thế mạnh trong phát triển trồng trọt ở địa phương mình.

Nội dung: Câu hỏi vận dụng trang 7 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV chia nhóm HS và yêu cầu nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV gọi một số nhóm HS trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV tổng kết và nhận xét.

2. Các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam

Hoạt động 5. Hình thành kiến thức

Mục tiêu: HS phân biệt được các nhóm cây trồng phổ biến .

Nội dung: Câu hỏi hình thành kiến thức trang 7 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS đọc nội dung của Mục 2. Các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam và yêu cầu trả lời câu hỏi theo tiêu chí mục đích sử dụng.
- GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có).
- Sau đó, GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi theo tiêu chí thời gian sinh trưởng.
- GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét và đưa ra đáp án.

Hoạt động 6. Luyện tập

Mục tiêu: HS phân loại được một số cây trồng vào các nhóm cây trồng phổ biến.

Nội dung: Câu hỏi luyện tập trang 7 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS quan sát Hình 1.3 để trả lời câu hỏi.
- Sau đó, với mỗi hình trong Hình 1.3: GV gọi HS trả lời câu hỏi cho từng hình. GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có). GV đưa ra đáp án cho từng hình.

Hoạt động 7. Vận dụng

Mục tiêu: HS kể tên các cây trồng ở địa phương và phân nhóm chúng.

Nội dung: Câu hỏi vận dụng trang 7 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV chia nhóm HS và yêu cầu nhóm HS thực hiện nhiệm vụ. Ở hoạt động này, GV cũng có thể tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn?”.
- GV gọi một số nhóm HS trình bày kết quả, nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV tổng kết và nhận xét.

3. Một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam

Hoạt động 8. Hình thành kiến thức

Mục tiêu: HS kể tên được hai phương thức trồng trọt phổ biến, nêu được đặc điểm của chúng.

Nội dung: Câu hỏi hình thành kiến thức trang 8 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS đọc nội dung của Mục 3. Một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Có mấy phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam?
- Sau đó, GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi cho đặc điểm phương thức trồng ngoài trời.
- GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có).
- Sau đó, GV gọi HS trả lời câu hỏi cho phương thức tiếp theo.
- GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét và đưa ra đáp án.

Hoạt động 9. Luyện tập 1

Mục tiêu: HS đánh giá được một số vấn đề gặp phải khi trồng ngoài trời và hiểu được sự cần thiết của trồng trong nhà có mái che.

Nội dung: Câu hỏi luyện tập số 1, 2 trang 8 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS quan sát Hình 1.4.
- GV chia nhóm HS và yêu cầu nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.
- Với mỗi cặp hình cạnh nhau (Ví dụ: a và b): GV gọi 1 nhóm HS trình bày kết quả. GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV tổng kết và đưa ra đáp án.

Hoạt động 10. Luyện tập 2

Mục tiêu: HS so sánh được ưu nhược điểm của trồng ngoài trời và trồng trong nhà có mái che.

Nội dung: Câu hỏi luyện tập số 3 trang 8 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS trong phiếu học tập.

Tổ chức thực hiện:

- GV chia nhóm HS, giao phiếu học tập cho các nhóm và yêu cầu các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV gọi các nhóm HS trình bày kết quả cho từng tiêu chí so sánh.
- GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV tổng kết và đưa ra đáp án.

4. Trồng trọt công nghệ cao

Hoạt động 11. Hình thành kiến thức

Mục tiêu: HS nêu được đặc điểm trồng trọt công nghệ cao.

Nội dung: Câu hỏi hình thành kiến thức trang 9 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS đọc nội dung của Mục 4. Trồng trọt công nghệ cao và trả lời câu hỏi.
- GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét và đưa ra đáp án.

Hoạt động 12. Luyện tập

Mục tiêu: HS nhận biết được các công nghệ áp dụng trong trồng trọt công nghệ cao.

Nội dung: Câu hỏi luyện tập trang 9 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS quan sát Hình 1.5.
- GV chia nhóm HS và yêu cầu nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.
- Với mỗi hình trong Hình 1.5: GV gọi 1 nhóm HS trình bày kết quả. GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV tổng kết và đưa ra đáp án.

Hoạt động 13. Vận dụng

Mục tiêu: HS vận dụng hiểu biết về trồng trọt công nghệ cao để liên hệ đánh giá việc áp dụng công nghệ cao trong trồng trọt ở địa phương.

Nội dung: Câu hỏi vận dụng trang 9 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện: GV chia nhóm HS yêu cầu nhóm HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà bằng cách hỏi người thân, phỏng vấn cán bộ khuyến nông/hội nông dân địa phương hoặc tìm thông tin trên website của Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn của tỉnh/thành phố. Các nhóm HS trình bày kết quả vào buổi học tiếp theo.

5. Một số ngành nghề trong trồng trọt

Hoạt động 14. Hình thành kiến thức

Mục tiêu: HS nêu được tên và đặc điểm của một số ngành nghề trong trồng trọt.

Nội dung: Câu hỏi hình thành kiến thức trang 10 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS đọc nội dung của Mục 5. Một số ngành nghề trong trồng trọt và trả lời câu hỏi.
- GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét và đưa ra đáp án.

Hoạt động 15. Vận dụng

Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức để giải quyết tình huống và thể hiện sự yêu thích của mình với các ngành nghề trong trồng trọt.

Nội dung: Câu hỏi vận dụng trang 10 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện: GV đưa ra câu hỏi để HS trả lời hoặc có thể tổ chức chơi trò chơi “Đóng vai”.

– GV chia HS thành 4 nhóm: 1 nhóm đóng vai người chọn tạo giống; 1 nhóm đóng vai người trồng trọt; 1 nhóm đóng vai người bảo vệ thực vật; 1 nhóm đóng vai người khuyến nông.

– GV cho nhóm HS đóng vai để giải quyết một vấn đề nào đó trong trồng trọt.
VD: Người trồng trọt mua giống từ người chọn tạo giống về trồng nhưng giống bị sâu bệnh, sau đó cần có sự tham gia các bên để tìm ra hướng giải quyết.

– Các nhóm HS sẽ thảo luận và cử một người đại diện ra để thương thuyết và tranh luận tìm ra nguyên nhân và hướng giải quyết.

– Sau đó, GV hỏi các nhóm HS xem nhiệm vụ của từng nghề nghiệp trong trồng trọt là gì và yêu thích công việc nào nhất.

V. ĐÁP ÁN

1. Các loại lương thực, thực phẩm trong Hình 1.1 được làm từ sản phẩm của những cây trồng nào?

Hình a: Nước cam từ quả cam; Hình b: Cơm từ lúa gạo; Hình c: Tương ớt từ ớt và cà chua; Hình d: Đường từ mía.

2. Những vai trò của trồng trọt trong Hình 1.2:

Hình a: Cung cấp lương thực thực phẩm; Hình b: Góp phần xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường; Hình c: Cung cấp các sản phẩm cho xuất khẩu; Hình d: Tạo công ăn việc làm, phát triển ngành nghề thủ công mỹ nghệ,...; Hình e: Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi; Hình g: Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến thực phẩm.

3. Triển vọng của trồng trọt nước ta:

– Phát triển các vùng chuyên canh tập trung cho các loại cây trồng chủ lực như: lúa, cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả, cây rau, hoa phục vụ nhu cầu ngày càng tăng của thị trường trong nước và xuất khẩu.

– Việc áp dụng các phương thức, công nghệ trồng trọt tiên tiến (nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp an toàn,...) giúp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

– Người nông dân Việt Nam sáng tạo, ham học hỏi sẽ chủ động cập nhật kiến thức, công nghệ mới trong trồng trọt để góp phần nâng cao vị thế của sản xuất nông nghiệp Việt Nam.

4. Địa phương em có thế mạnh gì trong trồng trọt?

Tuỳ từng địa phương cụ thể tìm ra thế mạnh trong phát triển trồng trọt như: vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên (đất đai, ánh sáng, nhiệt độ, mưa,...), điều kiện kinh tế – xã hội (vốn, lao động, tay nghề, diện tích đất đai, khoa học – kỹ thuật,...) của địa phương trong phát triển các loại cây trồng mũi nhọn ở địa phương.

5. Cây trồng được chia thành những nhóm nào theo mục đích sử dụng và theo thời gian sinh trưởng?

– Theo mục đích sử dụng, cây trồng được chia thành 4 nhóm chính, gồm: cây lương thực, cây thực phẩm, cây công nghiệp, cây ăn quả. Ngoài ra các nhóm chính trên còn có các nhóm cây khác như: cây dược liệu, cây hoa, cây cảnh.

– Theo thời gian sinh trưởng, cây trồng được chia thành 2 nhóm, gồm: cây hàng năm và cây lâu năm.

6. Phân biệt nhóm cây trồng trong Hình 1.3.

Hình a: cây lúa – cây lương thực, cây hàng năm; Hình b: cây chè – cây công nghiệp, cây lâu năm; Hình c: cây ngô – cây lương thực, cây hàng năm; Hình d: cây cà phê – cây công nghiệp, cây lâu năm; Hình e: cây đậu tương – cây công nghiệp, cây hàng năm; Hình g: cây xoài – cây ăn quả, cây lâu năm.

7. Có mấy phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam? Em hãy nêu tên và đặc điểm của những phương thức đó.

– Có hai phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam là trồng ngoài trời và trồng trong nhà có mái che.

– Trồng ngoài trời: Trồng ngoài trời là phương thức trồng trọt mà các bước từ gieo trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh đến thu hoạch đều được thực hiện ngoài trời (điều kiện tự nhiên).

– Trồng trong nhà có mái che: Trồng trong nhà có mái che là phương thức trồng trọt được thực hiện trong nhà kính, nhà lưới, nhà màn (nhà có mái che) cho phép kiểm soát được các yếu tố khí hậu, đất đai và sâu bệnh; thường áp dụng ở những vùng nắng nóng, khô hạn, băng giá,... hoặc áp dụng cho cây trồng có giá trị kinh tế cao.

8. Trồng ngoài trời có thể gặp những vấn đề gì? Trồng trong nhà có mái che khắc phục những vấn đề đó như thế nào?

Trồng ngoài trời	Trồng trong nhà mái che
Hình a – trồng ngoài trời mùa đông gặp băng tuyết, sương giá nên cây trồng bị chết	Hình b – cây trồng xanh tốt trong nhà kính làm tăng nhiệt độ vào mùa đông.
Hình c – trồng ngoài trời bị hạn hán, chết khô cháy.	Hình d – trồng trong nhà mái che có hệ thống điều khiển khí hậu và phun nước nên không bị khô, thiếu nước, cháy lá.
Hình e – trồng ngoài trời bị sâu bệnh.	Hình g – trồng trong nhà mái che bảo vệ cây trồng khỏi sâu bệnh.

9. So sánh ưu và nhược điểm của trồng ngoài trời và trồng trong nhà có mái che.

Tiêu chí so sánh	Trồng ngoài trời		Trồng trong nhà có mái che	
	Thấp	Cao	Thấp	Cao
Chi phí sản xuất	✓			✓
Khả năng quản lý sâu bệnh	✓			✓
Khả năng chống chịu thời tiết	✓			✓
Quy mô sản xuất		✓	✓	
Khả năng trồng trái vụ	✓			✓
Năng suất cây trồng	✓			✓
Thân thiện môi trường		✓	✓	

10. Những đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao.

– Phát triển các phương thức sản xuất tiên tiến: thủy canh, khí canh, nông nghiệp chính xác, nông nghiệp thông minh,...

– Ứng dụng công nghệ cao (cảm biến, robot, máy bay không người lái, vật liệu nano, công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, kết nối vạn vật,...).

– Sản xuất theo hướng công nghiệp hoá, tập trung tạo ra khối lượng sản phẩm lớn.

– Người quản lý và người sản xuất có kiến thức, trình độ chuyên môn giỏi.

11. Các hình ảnh về sản xuất công nghệ cao trong Hình 1.5 và lí do: Hình a: trồng dưa lưới trên giá thể trong nhà kính và có hệ thống tưới nhỏ giọt tự động; Hình c: Hệ thống tưới phun mưa tự động; Hình d: điều khiển máy móc từ xa; Hình e: robot thu hoạch cà chua tự động.

12. Liên hệ với địa phương để tìm hiểu xem địa phương đã áp dụng những công nghệ cao nào trong sản xuất.

13. Đặc điểm các ngành nghề trong trồng trọt:

– Nghề chọn tạo giống cây trồng: người làm nghề này thực hiện cải tiến và phát triển các giống cây trồng mới năng suất cao, chất lượng tốt.

– Nghề trồng trọt: người làm nghề này tham gia sản xuất và quản lý các cây trồng khác nhau như: lúa, rau, cam, vải, cà phê,... ở nông hộ hoặc trang trại. Người làm nghề này có nhiều kinh nghiệm và kiến thức đa dạng từ đất đai, khí hậu, trồng trọt, kiểm soát sâu bệnh hại, thu hoạch đến kinh doanh.

– Nghề bảo vệ thực vật: người làm nghề này đưa ra những dự báo về sâu bệnh và các biện pháp phòng trừ hiệu quả, an toàn giúp bảo vệ mùa màng và môi trường sinh thái.

– Nghề khuyến nông: người làm nghề này đưa ra những hướng dẫn kỹ thuật giúp cho người sản xuất tăng năng suất, chất lượng cây trồng và hiệu quả kinh tế.

VI. ĐÁNH GIÁ

Mục tiêu:

- Đánh giá các mục tiêu của các bài học.
- Đánh giá kiến thức và kỹ năng của HS trong và sau bài học.

Cách tiến hành:

- Đánh giá quá trình thông qua câu trả lời, mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
- Phiếu học tập, các câu trả lời đối chiếu với đáp án của GV.
- Báo cáo của HS được đánh giá thông qua cấu trúc của báo cáo và nội dung.

VII. MỞ RỘNG

1. Trồng cây trong nhà kính, nhà lưới

Trồng cây trong nhà kính là một hệ thống trồng cây theo công nghệ cao, mang đến chất lượng đạt tiêu chuẩn và năng suất cao. Ưu điểm nổi bật của trồng cây trong nhà kính, nhà lưới là không bị tác động bởi những yếu tố thời tiết; Ngăn cản ruồi vàng, sâu bọ, ong bướm, cào cào, mối,... giúp hạn chế việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; Có thể điều khiển vi khí hậu và áp dụng công nghệ cao bao gồm hệ thống làm mát, hệ thống tưới, hệ thống lưu thông không khí, các loại cảm biến nhiệt độ, độ ẩm. Tuy nhiên, chi phí đầu tư cho hệ thống rất tốn kém.

Một số loại cây trồng phù hợp trồng trong nhà kính, nhà lưới: xà lách, các loại cải, rau dền, rau mồng tơi, rau muống, hành, mùi (ngò), rau thơm các loại, bạc hà, dưa leo, cà chua, ớt, các loại cà, ớt chuông, bầu, bí, mướp,...

2. Các ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp công nghệ

– Công nghệ sinh học: công nghệ sinh học đóng vai trò rất quan trọng, đã được ứng dụng trong chọn tạo các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, có sức chống chịu cao. Công nghệ nhân giống *in vitro* được ứng dụng rộng rãi trong nhân giống cây lâm nghiệp, cây hoa, cây chuối,... giúp giảm giá thành cây giống, tạo ra

lô cây giống có độ đồng đều cao, sạch bệnh. Nhiều chế phẩm sinh học đã được nghiên cứu tạo ra và ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp để cung cấp dinh dưỡng cho cây trồng, vật nuôi, hạn chế dịch bệnh và thay thế dần thuốc hoá học.

– Robot: Robot là một trong những công nghệ mới vẫn đang được thử nghiệm và nghiên cứu. Tuy nhiên, ngày nay robot đang dần thay thế con người trong lao động sản xuất, thậm chí ngay cả những công việc đòi hỏi sự tỉ mỉ, chính xác như là thu hoạch dâu, nho. Robot cũng có thể giải quyết tình trạng thiếu hụt nhân lực trong các trang trại ở một số quốc gia đang phát triển và tăng năng suất lao động một cách đáng kể.

– GPS: Hệ thống Định vị Toàn cầu (GPS) được tạo thành từ mạng lưới gồm 32 vệ tinh quay quanh Trái Đất. Công nghệ này có thể xác định vị trí chính xác bạn, điều hướng máy bay và vô số nhiệm vụ khác.

– Máy bay không người lái: Chúng có thể tự vận hành theo kế hoạch lập trình của nông dân và có thể trang bị những bộ cảm biến, máy ảnh và phần cứng cung cấp đầy đủ thông tin cho người nông dân. Những cảm biến đo diện tích đánh giá sức sống tổng thể của cây. Máy ảnh chứa bộ lọc màu sắc giúp xác định nhiệt độ mặt đất, hàm lượng nước, kiểm đếm số lượng, xác nhận hạt giống đang nảy mầm, ước tính năng suất cây trồng và phát hiện sâu bệnh, cỏ dại.

VIII. PHỤ LỤC

Nhóm:.....Lớp:.....

PHIẾU HỌC TẬP

Hãy đọc câu hỏi trong phần mở đầu tại trang 8 SGK Công nghệ 7 và hoàn thành các thông tin theo bảng dưới đây.

Tiêu chí so sánh	Trồng ngoài trời		Trồng trong nhà có mái che	
	Thấp	Cao	Thấp	Cao
Chi phí sản xuất				
Khả năng quản lí sâu bệnh				
Khả năng chống chịu thời tiết				
Quy mô sản xuất				
Khả năng trồng trái vụ				
Năng suất cây trồng				
Thân thiện môi trường				

Gợi ý phân bổ thời lượng:

- Tiết 1: Từ mở đầu đến hết Nội dung 2. Các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam.
- Tiết 2: Nội dung 3. Các phương thức trồng trọt và Nội dung 4. Trồng trọt công nghệ cao.
- Tiết 3: Nội dung 5. Ngành nghề trong trồng trọt.

BÀI 5. TRỒNG CÂY RỪNG

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS sẽ:

Năng lực:

Năng lực công nghệ:

- Trình bày được quy trình trồng cây rừng.
- Có ý thức an toàn lao động khi trồng cây rừng.
- Mô tả được quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần, cây con có bầu.
- Đề xuất được thời vụ trồng cây rừng, quy trình trồng một loại cây rừng phù hợp ở địa phương.

Năng lực chung: Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua thảo luận, trình bày quy trình trồng cây rừng bằng cây con có bầu, cây con rễ trần; chủ động vận dụng kiến thức đã học để trồng cây rừng hoặc cây xanh ở vườn trường hoặc gia đình.

Phẩm chất: Có ý thức trồng và bảo vệ rừng, cây xanh, môi trường.

II. CẤU TRÚC, NỘI DUNG

Các nội dung chính của bài học:

- Mục đích trồng cây rừng, thời vụ trồng rừng.
- Làm đất trồng cây rừng.
- Quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu, cây con rễ trần.

III. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video hoặc mô hình động về quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu, cây con rễ trần.
- Tranh ảnh phóng to các hình ảnh trong bài học
- Máy chiếu, màn chiếu, máy tính kết nối chiếu hình ảnh, video, slide bài học.
- Bảng phụ và bút dạ, khăn lau bảng,... cho các nhóm thảo luận (nếu có).
- Phiếu học tập.

IV. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động 1. Mở đầu/Khởi động

Mục tiêu: HS kể tên được một số loại cây rừng và cách trồng các loại cây đó để định hướng về quy trình trồng cây rừng, tạo hứng thú cho HS học tập các nội dung của bài học.

Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời câu lệnh trong phần khởi động: Kể tên các loại cây rừng mà em biết. Những loại cây đó được trồng như thế nào?

Sản phẩm: HS kể tên một số cây rừng và cách trồng các loại cây đó.

Tổ chức thực hiện:

– GV có thể sử dụng 1 trong 3 cách sau:

+ Làm việc cá nhân: HS suy nghĩ, ghi câu trả lời vào vở.

+ Làm việc nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ (4 – 5 HS/nhóm), cho các nhóm thảo luận nhanh (3 – 5 phút); gọi đại diện 2 – 3 nhóm lên bảng ghi câu trả lời, hoặc GV cho các nhóm sử dụng bảng phụ treo lên bảng để trình bày.

+ GV cũng có thể chiếu cho HS quan sát một số rừng đã trồng mang lại hiệu quả và tác dụng đối với người dân và môi trường; yêu cầu HS quan sát và cho biết những hiểu biết của bản thân về cách trồng các loại cây rừng đó như thế nào?

Sau hoạt động Mở đầu/Khởi động, GV dẫn dắt HS vào bài học.

1. Mục đích của việc trồng cây rừng

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

Mục tiêu: HS trình bày được mục đích của việc trồng cây rừng.

Nội dung: HS đọc đoạn văn bản Mục 1 và trả lời câu hỏi mục đích của việc trồng cây rừng là gì?

Sản phẩm: HS trình bày được mục đích của việc trồng cây rừng.

Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS đọc văn bản trong Mục 1 và trả lời câu hỏi: Mục đích của trồng rừng là gì?

– HS làm việc cá nhân: HS đọc văn bản, ghi câu trả lời vào vở.

– GV gọi 2 HS lên bảng ghi câu trả lời/hoặc đọc câu trả lời và GV ghi vắn tắt câu trả lời lên bảng.

– GV gọi 2 HS nhận xét câu trả lời/trình bày trên bảng của bạn.

– GV nhận xét câu trả lời của cá nhân HS trên bảng và nội dung nhận xét của 2 HS. Sau đó, GV chiếu nội dung về mục đích của việc trồng cây rừng.

2. Thời vụ trồng cây rừng

Hoạt động 3. Hình thành kiến thức

Mục tiêu: HS nêu được kiểu thời tiết phù hợp với việc trồng rừng ở nước ta, thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển.

Nội dung: HS trả lời câu hỏi trong sách Mục 2: Kiểu thời tiết nào phù hợp cho việc trồng rừng ở nước ta? Vì sao?

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm để trả lời câu hỏi hình thành kiến thức mới Mục 2.

- HS làm việc theo nhóm, ghi câu trả lời vào vở/hoặc bảng phụ.
- GV gọi 2 HS đại diện 2 nhóm lên bảng ghi câu trả lời hoặc treo bảng phụ và đọc đáp án của nhóm.
- GV gọi 2 HS nhóm khác nhận xét câu trả lời/trình bày trên bảng/bảng phụ của nhóm bạn.
- GV nhận xét câu trả lời của HS trên bảng/bảng phụ và nội dung nhận xét của HS. Sau đó GV chiếu nội dung đáp án kiểu thời tiết phù hợp với việc trồng cây rừng ở nước ta.

Hoạt động 4. Luyện tập

Mục tiêu: HS đề xuất được thời vụ trồng cây phù hợp cho ba miền và giải thích lí do theo mẫu Bảng 5.1.

Nội dung: Đọc nội dung thông tin về đặc điểm 3 vùng khí hậu của Việt Nam và trả lời câu hỏi luyện tập Mục 2.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS trên phiếu học tập số 1.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS đọc bài tập luyện tập Mục 2 và điền thông tin hoàn thành phiếu học tập.
- HS làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập.
- GV gọi 2 HS đại diện 2 nhóm trả lời câu hỏi trên. Cho các nhóm khác nhận xét.
- GV chiếu đáp án, nhận xét câu trả lời của HS.

Hoạt động 5. Vận dụng

Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức vừa học để xác định thời vụ trồng các loại cây thân gỗ ở địa phương. Liên hệ tìm các câu ca dao, tục ngữ có tên liên quan đến thời vụ trồng cây.

Nội dung: HS liên hệ thực tế, trả lời các câu hỏi vận dụng trong Phần 2.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV có thể cho HS làm riêng từng câu hỏi hoặc cho HS làm cả 2 câu hỏi theo nhóm. GV cho HS đọc câu hỏi vận dụng trong Mục 2 trên slide hoặc đọc câu hỏi trong SGK.
- HS làm việc cá nhân, tra cứu tài liệu, ghi câu trả lời vào phiếu học tập số 2 (5 phút). Sau đó các nhóm HS làm việc, ghi câu trả lời vào phiếu học tập chung của nhóm hoặc bảng phụ (5 phút).
- GV có thể vận dụng mô hình “Lớp học đảo ngược”, cho HS về nhà tìm hiểu trước nội dung này, lên lớp GV cho một số HS báo cáo kết quả. Hoặc cho HS nộp kết quả báo cáo vào email của lớp, phần mềm MS Team, Zoom,... để GV chiếu lên, nhận xét, đánh giá.
- GV gọi đại diện 2 nhóm ghi đáp án lên bảng hoặc sử dụng bảng phụ.

– GV cho các nhóm khác nhận xét, góp ý. GV chiếu kết quả lên slide và chữa bài, nhận xét, đánh giá. HS viết câu trả lời vào vở. GV dẫn dắt sang Mục 3.

3. Làm đất trồng cây rừng

Hoạt động 6. Hình thành kiến thức

Mục tiêu: HS nắm được quy trình các bước làm đất trồng cây rừng.

Nội dung: HS nghiên cứu Mục 3, qua sát Hình 5.1 và thảo luận trả lời câu hỏi hình thành kiến thức Mục 3.

Sản phẩm: HS mô tả được các bước làm đất trồng cây rừng, chỉ ra được quy trình các bước trồng cây rừng trong Hình 5.1.

Tổ chức thực hiện:

– GV có thể cho HS làm việc cá nhân (3 phút), sau đó làm việc nhóm (3 phút) để trả lời câu hỏi hình thành kiến thức mới.

– HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, ghi câu trả lời vào phiếu học tập hoặc bảng phụ (6 phút).

– GV cho 1 nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét. GV có thể yêu cầu HS giải thích vì sao lại sắp xếp các hình như vậy.

Hoạt động 7. Luyện tập

Mục tiêu: HS giải thích được lí do cần phải làm cỏ và phát quang xung quanh miệng hố trước khi đào; cho đất màu trộn với phân bón xuống trước rồi mới lấp hố trồng cây.

Nội dung: HS thảo luận trả lời 2 câu hỏi luyện tập trong Mục 3.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

– GV có thể sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn, cho HS làm việc cá nhân (3 phút), sau đó làm việc nhóm (3 phút) để trả lời hai câu hỏi luyện tập.

– HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, ghi câu trả lời vào phiếu học tập hoặc bảng phụ (6 phút).

– GV cho 2 nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét. GV nhận xét bổ sung.

Hoạt động 8. Vận dụng

Mục tiêu: HS mô tả được kích thước và khoảng cách hố trồng một loại cây rừng hoặc cây trồng ở gia đình, vườn trường hoặc địa phương; giải thích được lí do bố trí kích thước và khoảng cách hố trồng như vậy.

Nội dung: HS tìm hiểu thực tế, thảo luận trả lời câu hỏi vận dụng trong Mục 3.

Sản phẩm: HS mô tả được khoảng cách hố trồng một số loại cây rừng hoặc cây trồng ở gia đình, vườn trường hoặc địa phương như: lúa, hành, tỏi, sấu, keo, bạch đàn,...

Tổ chức thực hiện:

– Cách 1: GV có thể vận dụng mô hình “Lớp học đảo ngược”, yêu cầu HS về nhà tìm hiểu trước nội dung này. Lên lớp, GV cho một số HS báo cáo kết quả; hoặc cho HS nộp kết quả báo cáo vào email của lớp, phần mềm MS Team, Zoom,... để GV nhận xét, đánh giá.

– Cách 2: GV giao bài tập cho HS tìm hiểu sau tiết học và báo cáo lại ở buổi học sau; hoặc GV cho HS nộp báo cáo kết quả vào email của lớp, phần mềm MS Team, Zoom,... để GV nhận xét, đánh giá.

– Cách 3: GV có thể sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn, cho HS làm việc cá nhân (3 phút), sau đó làm việc nhóm (3 phút) để trả lời hai câu hỏi luyện tập. GV gọi 2 nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét. GV nhận xét, bổ sung và đưa ra đáp án.

4. Trồng rừng bằng cây con

4.1. Trồng rừng bằng cây con có bầu

Hoạt động 9. Hình thành kiến thức

Mục tiêu: HS nêu được ưu điểm của trồng rừng bằng cây con có bầu, lí do vì sao phải rạch túi bầu và tránh làm hỏng bầu đất.

Nội dung: Câu hỏi hình thành kiến thức trang 30 SGK, Mục 4.1.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

– GV có thể cho HS làm việc cá nhân (3 phút), sau đó làm việc nhóm (3 phút) để trả lời câu hỏi hình thành kiến thức mới.

– HS làm việc cá nhân, sau đó làm việc nhóm, ghi câu trả lời vào bảng phụ (6 phút).

– GV gọi 1 nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét. GV có thể đặt câu hỏi để làm rõ thêm nhược điểm của trồng rừng bằng cây con có bầu: tồn công vận chuyển cây giống.

– GV nhận xét và đưa ra đáp án.

Hoạt động 10. Luyện tập

Mục tiêu: HS kể được tên một số loại cây rừng được trồng bằng cây con có bầu; sắp xếp được các ảnh trong Hình 5.2 theo quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu.

Nội dung: Câu hỏi luyện tập trang 30 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

– GV cho HS làm việc theo nhóm (3 – 5 phút) để trả lời 2 câu hỏi luyện tập.

– HS làm việc nhóm, ghi câu trả lời vào bảng phụ (6 phút).

– GV gọi 2 nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét. GV có thể yêu cầu HS giải thích nội dung các hình ảnh trong Hình 5.2.

– GV nhận xét và đưa ra đáp án.

Hoạt động 11. Vận dụng

Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức để mô tả quy trình trồng trong thực tế một loại cây rừng hoặc cây xanh bằng cây con có bầu.

Nội dung: Yêu cầu vận dụng trang 30 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

– Cách 1: GV cho HS làm việc cá nhân hoặc nhóm, tìm hiểu quy trình trồng một loại cây rừng hoặc cây xanh bằng cây con có bầu trong thực tế ở gia đình, địa phương hoặc tìm hiểu trên mạng Internet,... để trả lời câu hỏi vận dụng. HS gửi báo cáo kết quả cho GV vào tiết học sau.

– Cách 2: GV cho các nhóm HS nghiên cứu trước bài học và tìm hiểu quy trình trồng một loại cây rừng hoặc cây xanh bằng cây con có bầu trong thực tế. GV gọi đại diện 2 nhóm HS ghi câu trả lời lên bảng hoặc bảng phụ (5 phút). GV gọi HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV nhận xét câu trả lời của HS. 4.2. Trồng rừng bằng cây con rễ trần.

Hoạt động 12. Hình thành kiến thức

Mục tiêu: HS nêu được những loại cây được trồng bằng cây con rễ trần.

Nội dung: Câu hỏi hình thành kiến thức trang 30 SGK, Mục 4.2.66

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

– GV cho HS nghiên cứu nội dung Mục 4.2, làm việc nhóm để trả lời câu hỏi hình thành kiến thức.

– GV gọi đại diện 2 nhóm HS ghi câu trả lời lên bảng hoặc bảng phụ (5 phút); HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét và đưa ra đáp án.

Hoạt động 13. Luyện tập

Mục tiêu: HS sắp xếp được các hình ảnh trong Hình 5.3 theo các bước trong quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần.

Nội dung: Câu hỏi luyện tập trang 31 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

– GV cho các nhóm HS nghiên cứu Hình 5.3 và trả lời câu hỏi luyện tập trong Mục 4.2.

– GV gọi đại diện 2 nhóm HS ghi câu trả lời lên bảng hoặc bảng phụ (5 phút); HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét và đưa ra đáp án. GV lưu ý HS về kỹ thuật nhắc nhẹ cây khi lắp đất kín gốc cây để bộ rễ cây thẳng.

Hoạt động 14. Vận dụng kiến thức

Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học về quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu và cây con rễ trần để trả lời câu hỏi.

Nội dung: Câu hỏi vận dụng trang 31 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

– GV cho các nhóm HS nghiên cứu trả lời câu hỏi vận dụng 1 trong Mục 4.2 trên lớp. HS thảo luận và trả lời câu hỏi vận dụng 1 trong Mục 4.2. GV gọi đại diện 2 nhóm HS trả lời và HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV nhận xét và đưa ra đáp án.

– Với bài tập vận dụng 2 trong Mục 4.2, GV tổ chức cho HS thực hiện ở vườn trường (nếu có đủ điều kiện cơ sở vật chất) hoặc tự thực hiện ở nhà và gửi báo cáo kèm theo minh chứng bằng hình ảnh cho GV để đánh giá.

V. ĐÁP ÁN

1. Mục đích của việc trồng cây rừng: mở rộng diện tích rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc; tạo việc làm và mang lại thu nhập.

2. Kiểu thời tiết phù hợp cho việc trồng rừng ở nước ta là: thời tiết ẩm, mát mẻ, độ ẩm không khí cao, có mưa. Vì thời tiết đó thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển.

3. Thời vụ trồng cây thích hợp cho từng vùng miền của nước ta và giải thích lí do:

Khu vực	Thời vụ trồng	Lí do
Miền Bắc	Mùa xuân, mùa thu	Thời tiết mát mẻ, có mưa, độ ẩm cao
Miền Trung	Mùa mưa	Có mưa, độ ẩm cao
Miền Nam	Mùa mưa	Có mưa, độ ẩm cao

4. Thời vụ trồng rừng ở địa phương và một số câu ca dao, tục ngữ có liên quan đến thời vụ trồng cây.

Thời vụ trồng các loại cây thân gỗ ở địa phương cũng vào mùa xuân hoặc mùa thu ở miền Bắc, mùa mưa ở miền Trung và miền Nam.

Một số câu ca dao, tục ngữ có liên quan đến thời vụ trồng cây:

Bao giờ đơm đóm bay ra
Hoa gạo rụng xuống thì tra hạt vùng.

Tháng Giêng chân bước đi cày
Tháng Hai vãi lúa, ngày ngày siêng năng
Thuận mưa lúa tốt đặng đặng
Tháng Mười gặt lúa, ta ăn đầy nhà.

Tháng Chạp là tháng trồng khoai
Tháng Giêng trồng đậu, tháng hai trồng cà
Tháng Ba cày vỡ ruộng ra
Tháng Tư làm mạ mưa sa đầy đồng.

Tháng Giêng trồng trúc, tháng Lục trồng tiêu.

5. *Sắp xếp hình ảnh trong Hình 5.1 theo thứ tự của kỹ thuật đào hố trồng cây rừng.*

Hình 5.1a → Hình 5.1e → Hình 5.1c → Hình 5.1d → Hình 5.1b

6. *Khi đào hố trồng cây rừng phải làm cỏ và phát quang ở xung quanh miệng hố vì: để đào hố dễ dàng, cây trồng không bị cạnh tranh dinh dưỡng, ánh sáng với cỏ dại và cây hoang dại xung quanh, dễ phát triển.*

Khi lấp hố trồng cây phải cho lớp đất màu trộn với phân bón xuống hố trước vì: để phân hữu cơ hoại mục, không bị rửa trôi hoặc bốc hơi, khi trồng cây thì rễ cây dễ dàng hấp thụ dinh dưỡng.

7. *Ưu điểm của trồng rừng bằng cây con có bầu: bộ rễ được bảo vệ nên cây có tỉ lệ sống cao, có sức đề kháng cao, giảm thời gian và số lần chăm sóc,...*

Khi trồng rừng bằng cây con có bầu cần phải xé túi bầu để rễ cây dễ dàng mọc ra ngoài đất, không bị bó bầu. Tránh làm hỏng bầu đất vì nếu làm hỏng bầu đất sẽ tổn thương đến rễ cây.

8. *Kể tên các loại cây rừng thường được trồng bằng cây con có bầu: rất nhiều loài cây rừng được trồng bằng cây con có bầu như giáng hương, dầu, gõ đỏ, gõ mật, bằng lăng, keo,...*

Các hình ảnh trong Hình 5.2 tương ứng với các bước của quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu: bước 1 – c, bước 2 – b, bước 3 – a, bước 4 – g, bước 5 – e, bước 6 – d.

9. *Trồng rừng bằng cây con rễ trần được áp dụng đối với những loại cây trồng như: bạch đàn, trám, đước,... vì chúng là những loại cây có bộ rễ khoẻ, khả năng phục hồi nhanh.*

VI. ĐÁNH GIÁ

Mục tiêu:

- Đánh giá các mục tiêu của các bài học.
- Đánh giá kiến thức và kỹ năng của HS trong và sau bài học.

Cách tiến hành:

- Đánh giá quá trình thông qua câu trả lời, mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
- Phiếu học tập, các câu trả lời đối chiếu với đáp án của GV.
- Báo cáo của HS được đánh giá thông qua cấu trúc của báo cáo và nội dung.

VII. MỞ RỘNG

Trồng rừng bằng gieo hạt, tốn nhiều hạt giống hơn so với trồng rừng bằng cây con. Khó chủ động trồng bằng gieo hạt vì tính chu kì được mùa của hạt giống, phải có biện pháp kỹ thuật cất trữ hạt, điều kiện khu vực trồng, đặc tính của loài cây trồng,... Hạt sau khi gieo xuống đất cây con mới nhú mầm dễ bị nguy hại bởi chim, kiến, cỏ dại và thời tiết bất lợi. Sau khi trồng số lần và thời gian chăm sóc nhiều hơn.

VIII. PHỤ LỤC

Nhóm:.....

Lớp:.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đề xuất thời vụ trồng cây phù hợp cho từng miền và giải thích lí do theo bảng sau.

Khu vực	Thời vụ trồng	Lí do
Miền Bắc		
Miền Trung		
Miền Nam		

Nhóm:.....

Lớp:.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Trả lời các câu hỏi dưới đây.

1. Thời vụ trồng các loại cây thân gỗ ở địa phương em là khi nào?
2. Các câu ca dao, tục ngữ có liên quan đến thời vụ trồng cây.

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Mục 3. Làm đất trồng cây rừng.

Tiết 2: Mục 4. Trồng rừng bằng cây con.

BÀI 8. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHĂN NUÔI

I. MỤC TIÊU

Sau bài học này, HS cần đạt:

Năng lực:

Năng lực công nghệ:

- Trình bày được vai trò và triển vọng của chăn nuôi.
- Nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều và vật nuôi đặc trưng cho một số vùng miền ở Việt Nam.
- Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.
- Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.
- Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi.

Năng lực chung:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích tranh, hình ảnh, sơ đồ để lấy thông tin trả lời các câu hỏi.
- Tự nghiên cứu để thu thập thông tin, dữ liệu qua nội dung trong SGK để trả lời câu hỏi của GV.
- Hợp tác theo nhóm để giải quyết yêu cầu về nội dung bài học.
- HS có khả năng vận dụng kiến thức để nhận xét về hoạt động chăn nuôi tại gia đình và địa phương.

Phẩm chất:

- Tình yêu với vật nuôi trong gia đình.
- Có ý thức học tập kỹ thuật chăn nuôi.
- Giúp đỡ, chia sẻ với bạn bè khi hợp tác thảo luận.

II. CẤU TRÚC, NỘI DUNG

Các nội dung chính của bài học:

- Vai trò và triển vọng của chăn nuôi: Nội dung này giới thiệu cho HS những vai trò của hoạt động chăn nuôi đối với đời sống con người và kinh tế – xã hội. Giới thiệu cho HS những tiềm năng của ngành chăn nuôi và những triển vọng phát triển ngành chăn nuôi của Việt Nam.
- Một số vật nuôi phổ biến ở Việt Nam: Nội dung này trình bày về nguồn gốc, đặc điểm của một số giống vật nuôi bản địa và giống vật nuôi ngoại nhập được nuôi phổ biến ở Việt Nam.

– Các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam: Nội dung giới thiệu cho HS đặc điểm của các phương thức chăn nuôi phổ biến.

– Một số ngành nghề trong chăn nuôi: Nội dung này giới thiệu cho HS một số ngành nghề trong chăn nuôi từ đó HS có thể nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi.

Ngoài những nội dung chính, bài học này còn mở rộng kiến thức cho HS với nội dung về chất thải vật nuôi; ưu điểm của các giống vật nuôi bản địa; một số đặc điểm của chăn nuôi thông minh.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Sách giáo khoa Công nghệ 7.

– Tranh, hình ảnh, sơ đồ, phiếu học tập về nội dung bài học.

III. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động 1. Mở đầu/Khởi động

Mục tiêu:

– Tạo hứng thú cho HS về chủ đề bài học.

– HS biết được một số sản phẩm của chăn nuôi.

Nội dung: Yêu cầu: Em hãy kể tên một số sản phẩm của chăn nuôi mà em biết.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

– GV giới thiệu bài học: Chăn nuôi cùng với trồng trọt là 2 ngành sản xuất chính trong nông nghiệp. Chăn nuôi tác động vào vật nuôi để tạo ra những sản phẩm phục vụ cho mục đích khác nhau của con người.

– GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân để thực hiện yêu cầu: Em hãy kể tên một số sản phẩm của chăn nuôi mà em biết. GV nhận xét và có thể bổ sung thêm một số sản phẩm từ chăn nuôi.

Sau hoạt động Mở đầu/Khởi động, GV dẫn dắt HS vào bài học.

1. Vai trò và triển vọng của chăn nuôi

1.1. Vai trò của chăn nuôi

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

Mục tiêu: HS trình bày được các vai trò của chăn nuôi.

Nội dung: Câu hỏi hình thành kiến thức: Chăn nuôi có vai trò như thế nào đối với con người, kinh tế và xã hội?

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân.

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong Mục 1.1 trang 43 SGK và trả lời câu hỏi.
- HS trả lời và GV đưa ra nhận xét.
- GV có thể hỏi thêm: ngoài những vai trò trên, em còn biết vai trò nào khác của chăn nuôi không? *Gợi ý trả lời:* Nghiên cứu sức khoẻ (động vật thí nghiệm), làm bạn, văn hoá.
- GV có thể đưa ra một số câu hỏi để HS khai thác thêm về từng vai trò của chăn nuôi: Chăn nuôi cung cấp những loại thực phẩm gì? Em hãy kể tên những nguyên liệu của chăn nuôi sử dụng cho công nghiệp chế biến. Em hãy cho biết những loại vật nuôi nào có thể cho sức kéo. Tại sao phân chuồng lại cần thiết cho cây trồng? Chăn nuôi tạo những công ăn việc làm gì cho xã hội?
- GV nhận xét và đánh giá, chốt kiến thức về vai trò của chăn nuôi.

Hoạt động 3. Luyện tập

Mục tiêu: HS khắc sâu được kiến thức về vai trò của chăn nuôi.

Nội dung: Yêu cầu luyện tập trang 43 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS quan sát Hình 8.1.
- HS trả lời câu hỏi.
- GV nhận xét và đánh giá.

Hoạt động 4. Vận dụng

Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức về vai trò của chăn nuôi trong điều kiện chăn nuôi tại địa phương.

Nội dung: Yêu cầu vận dụng: Em hãy kể tên một số loại vật nuôi ở địa phương em và nêu những lợi ích của chúng.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân. GV đặt câu hỏi và yêu cầu HS ghi câu trả lời vào phiếu học tập số 1.
- GV gọi HS đọc câu trả lời và nộp phiếu học tập.
- GV bổ sung, củng cố.

1.2. Triển vọng của ngành chăn nuôi

Hoạt động 5. Hình thành kiến thức

Mục tiêu: HS trình bày được tiềm năng phát triển chăn nuôi và triển vọng phát triển ngành chăn nuôi của Việt Nam.

Nội dung: Yêu cầu hình thành kiến thức ở trang 44 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu một HS đọc nội dung Mục 1.2 trang 44 SGK sau đó yêu cầu các HS thực hiện yêu cầu: Em hãy cho biết những lợi thế phát triển chăn nuôi của nước ta.

– HS trả lời. Sau đó GV tiếp tục dẫn dắt và hỏi: Từ những lợi thế đó, vậy nước ta có những triển vọng phát triển chăn nuôi như thế nào trong tương lai?

Hoạt động 6. Vận dụng

Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức về tiềm năng và triển vọng của ngành chăn nuôi vào hoạt động chăn nuôi tại địa phương.

Nội dung: Câu hỏi luyện tập trang 44 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện: GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân. HS có thể trả lời một số lợi thế để phát triển chăn nuôi ở địa phương theo kiến thức trong bài, ngoài ra GV dẫn dắt và hướng dẫn HS hoàn thành phiếu học tập số 2 để tìm những lợi thế phát triển chăn nuôi cụ thể của từng địa phương.

2. Một số vật nuôi phổ biến ở Việt Nam

Hoạt động 7. Hình thành kiến thức

Mục tiêu: HS nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều và vật nuôi đặc trưng cho một số vùng miền ở Việt Nam.

Nội dung: Yêu cầu hình thành kiến thức ở trang 44 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

– GV giới thiệu cho HS 2 nhóm vật nuôi được nuôi phổ biến ở Việt Nam gồm vật nuôi bản địa và vật nuôi ngoại nhập. GV đặt câu hỏi: Thế nào là vật nuôi bản địa và thế nào là vật nuôi ngoại nhập? *Gợi ý trả lời:* Vật nuôi bản địa hay còn gọi là vật nuôi đặc trưng vùng miền, là các giống vật nuôi có nguồn gốc hình thành và mang bản sắc riêng của từng quốc gia, của từng vùng, từng miền. Vật nuôi ngoại nhập là những giống vật nuôi có nguồn gốc từ nước ngoài được du nhập vào Việt Nam.

– GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm để hình thành kiến thức. GV chia lớp thành 3 nhóm. Mỗi nhóm thực hiện 1 nhiệm vụ khác nhau: trình bày đặc điểm của một số giống vật nuôi bản địa (3 vật nuôi đầu tiên trong SGK); 3 vật nuôi bản địa tiếp theo; và một số vật nuôi ngoại nhập.

– GV gợi ý HS tổ chức hoạt động nhóm để trả lời phiếu học tập số 3.

– HS làm việc nhóm và hoàn thiện phiếu học tập số 3.

– GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

Hoạt động 8. Luyện tập

Mục tiêu: HS nhận biết được một số loại vật nuôi phổ biến thông qua quan sát đặc điểm hình thái ngoài.

Nội dung: HS thực hiện câu hỏi luyện tập trang 45 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện: GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân để thực hiện hoạt động luyện tập. GV gọi HS trả lời câu hỏi, sau đó nhận xét và đánh giá.

Hoạt động 9. Vận dụng

Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức vừa học để xác định một số vật nuôi được nuôi tại địa phương mình.

Nội dung: Câu hỏi vận dụng trang 45 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện: GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân để thực hiện hoạt động vận dụng. GV nhận xét và đánh giá.

3. Các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam

Hoạt động 10. Hình thành kiến thức

Mục tiêu: HS nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.

Nội dung: Yêu cầu hình thành kiến thức ở trang 45 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS đọc yêu cầu kiến thức ở trang 45 SGK. Sau đó, GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm để hình thành kiến thức mới. GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm thực hiện 1 nhiệm vụ: Trình bày tên và đặc điểm của phương thức chăn nuôi (mỗi nhóm 1 loại phương thức chăn nuôi).

– GV gợi ý nhóm thực hiện nhiệm vụ theo phiếu học tập số 4.

– HS trình bày kết quả. GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

Hoạt động 11. Luyện tập

Mục tiêu: HS nêu được đặc điểm của các phương thức chăn nuôi ở Việt Nam.

Nội dung: Yêu cầu luyện tập trang 46 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện: GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân để trả lời 2 ý trong yêu cầu luyện tập ở trang 46 SGK. GV yêu cầu HS thực hiện yêu cầu và nhận xét câu trả lời của HS.

Hoạt động 12. Vận dụng

Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức vào điều kiện chăn nuôi của địa phương.

Nội dung: Yêu cầu vận dụng trang 46 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện: GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân để thực hiện yêu cầu vận dụng theo gợi ý trong phiếu học tập số 5. GV yêu cầu HS hoàn thiện vào phiếu học tập và đưa ra nhận xét, đáp án.

4. Một số ngành nghề trong chăn nuôi

Hoạt động 13. Hình thành kiến thức

Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.
- Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi.

Nội dung: Câu hỏi hình thành kiến thức ở trang 46 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức hoạt động nhóm để HS lĩnh hội kiến thức. GV chia lớp thành 3 nhóm, các nhóm làm chung 1 nhiệm vụ trả lời câu hỏi: Trong chăn nuôi có những ngành nghề phổ biến nào? Hãy nêu đặc điểm của những ngành nghề đó. GV gợi ý HS thảo luận ra trả lời câu hỏi theo phiếu học tập số 6.

- HS trả lời, GV nhận xét đánh giá và chốt kiến thức.

Hoạt động 14. Luyện tập

Mục tiêu: HS nắm chắc và củng cố được kiến thức về đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.

Nội dung: Yêu cầu luyện tập trang 47 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân để luyện tập. GV gợi ý HS thực hiện nhiệm vụ theo phiếu học tập số 7.
- GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có)
- GV nhận xét và đưa ra đáp án.

Hoạt động 15. Vận dụng

Mục tiêu: HS mở rộng và liên hệ được kiến thức về các ngành nghề trong chăn nuôi trong điều kiện thực tiễn.

Nội dung: Câu hỏi trang vận dụng trang 47 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện: GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi vận dụng trang 47 SGK. GV nhận xét, bổ sung.

V. ĐÁP ÁN

1. Một số sản phẩm từ chăn nuôi như: thịt, trứng, sữa, xúc xích, pho mai, giò lụa,...

2. Vai trò của chăn nuôi đối với con người, kinh tế và xã hội: Cung cấp thực phẩm: thịt, trứng, sữa, các sản phẩm từ thịt (giò, xúc xích,...); các sản phẩm từ trứng (trứng muối, trứng thảo dược,...); các sản phẩm từ sữa (bơ, pho mai, kem,...); nguyên liệu cho công nghiệp chế biến: lông thú (cừu, dê,...), da, xương, lông vũ của chim,....

3. Vai trò của chăn nuôi trong Hình 8.1:

Lợn: cung cấp thịt lợn, các món ăn chế biến từ thịt lợn như giò lụa, chả, xúc xích, dăm bông,...; cung cấp phân bón và nguồn năng lượng sinh học; văn hoá (dùng thịt lợn để tế lễ, tranh dân gian Đông hồ);...

Gà: cung cấp thịt, trứng và các món ăn chế biến từ thịt và trứng như gà rán KFC, xúc xích, khô gà, thịt viên, trứng muối,...; văn hoá;...

Trâu, bò: thịt, sữa và các món ăn chế biến từ thịt và sữa; phân bón; sức kéo; văn hoá (chọi gà);...

4. Các loại vật nuôi có trong Hình 8.2: a – lợn sóc; b – Bò HF; c – Trâu Việt Nam; d – Gà Ross; e – Bò vàng; g – Lợn Móng Cái; h – Dê cỏ; i – Lợn Landrace; k – Gà ri.

5. Các phương thức chăn nuôi trong Hình 8.3: a – Nuôi bán công nghiệp; b – Nuôi thả tự do; c – Nuôi công nghiệp.

So sánh đặc điểm của các phương thức chăn nuôi:

Tiêu chí so sánh	Phương thức chăn nuôi		
	Chăn thả tự do	Nuôi công nghiệp	Nuôi bán công nghiệp
Mức đầu tư	Thấp	Cao	Trung bình
Kỹ thuật chăn nuôi	Đơn giản	Cao	Vừa phải
Nguồn thức ăn	Thức ăn tự nhiên	Thức ăn công nghiệp	Kết hợp thức ăn tự nhiên và công nghiệp
Kiểm soát dịch bệnh	Khó kiểm soát	Kiểm soát tốt	Khó kiểm soát
Năng suất chăn nuôi	Thấp	Cao và ổn định	Trung bình
Chất lượng sản phẩm	Thơm ngon	Tốt	Tốt

6. Yêu cầu của ngành nghề chăn nuôi: yêu động vật, thích chăm sóc vật nuôi, có kiến thức về chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi thông qua tự học tập, thông qua quá trình đào tạo tại các cơ sở đào tạo (Trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp) về chăn nuôi; nghề thú y: yêu động vật, cẩn thận, khéo tay, có kiến thức về phòng và trị bệnh cho vật nuôi thông qua quá trình được đào tạo tại các trường đại học ngành thú y; nghề

chọn tạo giống vật nuôi: yêu động vật, có kiến thức về chọn tạo giống vật nuôi thông qua quá trình đào tạo tại các trường đại học ngành chăn nuôi.

Tên ngành nghề khác trong chăn nuôi	Đặc điểm của ngành nghề	Yêu cầu của ngành nghề
Nghề nghiên cứu; sản xuất; kinh doanh thức ăn chăn nuôi	Thực hiện các hoạt động nghiên cứu để sản xuất thức ăn và phân phối thức ăn, tư vấn bán hàng,... thức ăn chăn nuôi.	Tốt nghiệp đại học các chuyên ngành về chăn nuôi, thú y
Nghề nghiên cứu; sản xuất; kinh doanh thuốc thú y.	Thực hiện các hoạt động nghiên cứu để sản xuất thuốc và phân phối, tư vấn bán,...thuốc thú y.	Tốt nghiệp đại học các chuyên ngành về chăn nuôi, thú y
Giảng viên đại học, cao đẳng, trung cấp	Thực hiện công việc giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp	Có chuyên môn sâu, kỹ năng thực tế, khả năng sư phạm

VI. ĐÁNH GIÁ

Mục tiêu:

- Đánh giá các mục tiêu đã đạt được của bài học.
- Đánh giá kiến thức và kỹ năng của HS trong và sau bài học.

Cách tiến hành:

- Đánh giá quá trình thông qua câu trả lời, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Các câu trả lời được đối chiếu với đáp án của GV.

Một số câu hỏi dành cho những HS khá, giỏi:

1. Em hãy phân biệt giống vật nuôi bản địa và giống vật nuôi ngoại nhập? Gợi ý trả lời:

Vật nuôi bản địa: Trải qua hàng nghìn năm, dưới sự tác động của chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo đã hình thành nên những giống vật nuôi mang bản sắc riêng của từng quốc gia, của từng vùng, từng miền. Chúng có những đặc điểm quý, đó là khả năng sử dụng tốt các loại thức ăn thô, khả năng thích nghi cao với điều kiện sinh thái, khả năng chống chịu bệnh tốt, thịt thơm ngon,... Tuy nhiên có những giống có năng suất rất cao nhưng khi gặp điều kiện khí hậu, dinh dưỡng khác với nơi nó được sinh ra lại tỏ ra kém thích nghi, năng suất thấp hơn mức trung bình của giống và dễ bị nhiễm bệnh.

Vật nuôi ngoại nhập có nguồn gốc từ nước ngoài và được du nhập vào Việt Nam bằng nhiều con đường khác nhau. Giống có đặc điểm có năng suất chăn nuôi cao nhưng kém thích nghi với điều kiện sinh thái của Việt Nam.

2. Em hãy cho biết chăn nuôi nông hộ và chăn nuôi trang trại là mô hình chăn nuôi theo phương thức chăn nuôi nào. Gợi ý trả lời: Chăn nuôi nông hộ là mô hình chăn nuôi có thể theo phương thức thả tự do hoặc bán thả. Chăn nuôi trang trại là mô hình chăn nuôi theo phương thức chăn nuôi công nghiệp.

VII. MỞ RỘNG

1. Vật nuôi

Vật nuôi bao gồm gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi.

Trong đó:

– Gia súc là các loài động vật có vú, có 4 chân được con người thuần hoá và chăn nuôi.

– Gia cầm là các loài động vật có 2 chân, có lông vũ, thuộc nhóm động vật có cánh được con người thuần hoá và chăn nuôi.

– Động vật khác trong chăn nuôi là động vật ngoài gia súc, gia cầm và ngoài Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, danh mục động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, động vật rừng thông thường, động vật thuỷ sản, danh mục động vật rừng hoang dã thuộc Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

2. Phân vật nuôi có thể sử dụng làm chất đốt, phân bón hoặc vật liệu xây dựng. Nhiều chủ gia súc ở châu Á và một vài chủ gia súc ở châu Phi trộn phân trâu, bò hoặc lạc đà với rơm và phơi khô thành bánh hay khối, tăng tiện lợi để sử dụng làm nhiên liệu đốt cháy hoặc đun nấu.

Ở một số nơi, phân được trộn với bùn hoặc đất sét nặn thành vật liệu xây dựng. Phân động vật có thể được chứa trong những bể lên men để tạo ra khí methane, khí này được dùng làm nhiên liệu thắp sáng, đun nước, sưởi ấm hoặc thậm chí làm nhiên liệu chạy máy móc như máy bơm nước. Phân của loài vật này cũng có thể là nguồn thức ăn cho các loài động vật khác. Phân lợn và gia cầm được sử dụng để tạo ra tảo làm thức ăn cho cá.

Cách sử dụng chủ yếu và phổ biến nhất của phân vật nuôi là làm phân bón cho cây trồng. Ở các nước đang phát triển, phân chuồng là nguồn dinh dưỡng chính cho các cây lương thực truyền thống.

VIII. PHỤ LỤC

Họ và tên:.....Lớp.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Em hãy kể tên một số loại vật nuôi ở địa phương em và nêu những lợi ích của chúng.

Loại vật nuôi	Lợi ích của vật nuôi

Họ và tên:.....Lớp.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Địa phương em có những lợi thế nào để phát triển chăn nuôi?

Loại vật nuôi	Đáp án của HS
Lợi thế về tự nhiên:	
– Khí hậu thuận lợi	
– Địa hình thuận lợi (có nhiều đồng bằng, đồi,...)	
Nhà nước quan tâm và có chính sách phát triển chăn nuôi của địa phương	
Ứng dụng khoa học công nghệ trong chăn nuôi	
Người dân cần cù, chịu khó, thông minh và có nhiều kinh nghiệm sản xuất	
Những lợi thế khác	

Nhóm:.....Lớp.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Em hãy đọc nội dung Mục 2 trang 44 SGK và cho biết tên, đặc điểm của một số vật nuôi phổ biến ở Việt Nam.

Tên vật nuôi	Nguồn gốc của vật nuôi	Đặc điểm của vật nuôi

Nhóm:.....Lớp.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Hãy kể tên và nêu đặc điểm của các phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta.

Tên phương thức chăn nuôi	Đặc điểm
	Mức đầu tư:
	Kỹ thuật chăn nuôi:
	Nguồn thức ăn:
	Kiểm soát dịch bệnh:
	Năng suất chăn nuôi:

Họ và tên:.....Lớp.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Hãy kể tên các phương thức chăn nuôi ở địa phương em. Phương thức đó áp dụng cho những loại vật nuôi nào?

Tên vật nuôi	Phương thức chăn nuôi sử dụng

Nhóm:.....Lớp.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Hãy kể tên ngành nghề trong chăn nuôi ở địa phương em. Nêu đặc điểm và yêu cầu của ngành nghề đó.

Tên ngành nghề trong chăn nuôi	Đặc điểm của ngành nghề	Yêu cầu của ngành nghề

Họ và tên:.....Lớp.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7

Hãy kể tên và mô tả những ngành nghề khác trong chăn nuôi mà em biết.

Tên ngành nghề trong chăn nuôi	Đặc điểm của ngành nghề	Yêu cầu của ngành nghề

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Mục 2. Một số vật nuôi phổ biến ở Việt Nam.

Tiết 2: Mục 3. Các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam đến hết bài.